MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 1

1. Tổ chức phát hành 1

2. Tổ chức tư vấn và bảo lãnh phát hành 1

II. CÁC KHÁI NIỆM 1

III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 2

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 2

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển 2

1.2. Giới thiệu về Công ty 3

2. Cơ cấu tổ chức 4

2.1. Hệ thống nhà xưởng của Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu 4

2.2. Cơ cấu tổ chức của Công ty 4

3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty 7

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty 7

5. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu 7

6. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành 8

6.1. Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối của Công ty 8

6.2. Danh sách các Công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối: 8

7. Hoạt động kinh doanh 8

7.1. Các nhóm sản phẩm chính của Công ty 8

7.2. Doanh thu, lãi gộp qua các năm 11

7.3. Nguyên vật liệu 12

7.4. Chi phí sản xuất 15

7.5. Trình độ công nghệ 17

7.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới 22

7.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ 22

7.8. Hoạt động Marketing 23

7.9. Nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ 25

7.10. Các Hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết 25

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất 26

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 26
8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 2005 27
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 29
9.1. Vị thế của Công ty trong ngành..... 29
9.2. Triển vọng phát triển của ngành 31
10. Chính sách đối với người lao động.....33
10.1. Số lượng người lao động trong Công ty 33
10.2. Chính sách đối với người lao động..... 34
11. Chính sách cổ tức 36
12. Tình hình hoạt động tài chính 36
12.1. Các chỉ tiêu cơ bản..... 36
12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 40
13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát 41
13.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị..... 41
13.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát..... 45
13.3. Danh sách thành viên Ban Giám đốc 47
14. Tài sản 47
15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2006 - 2008 48
15.1. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ..... 48
15.2. Kế hoạch chiến lược thực hiện trong 03 năm..... 50
15.3. Các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện 52
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....53
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty 54
18. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu phát hành.....54
IV. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH VỚI UBCKNN 54
V. CỔ PHIẾU ĐÃ PHÁT HÀNH VÀ KHÔNG ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH VỚI UBCKNN 56
VI. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH 58
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH 61
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT PHÁT HÀNH 61
IX. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 62
X. PHỤ LỤC 65

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông **Nguyễn Văn Thành** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu.

Ông **Trịnh Hữu Minh** Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu.

Bà **Võ Ngọc Huỳnh Thư** Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn và bảo lãnh phát hành

Ông **Nguyễn Quang Vinh** Chức vụ: Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin phép phát hành do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu cung cấp.

II. CÁC KHÁI NIỆM

- Công ty: Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu
- Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu
- Mỹ Châu: Tên viết tắt của Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu
- UBCKNN: Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước
- TTGDCK: Trung tâm Giao dịch Chứng khoán
- CNĐKKD: Chứng nhận đăng ký kinh doanh
- ISO: Tiêu chuẩn quốc tế ISO (International Standard)
- TFS: Thép lá mạ crom (Tin Free Steel)
- ETP: Thép lá tráng thiếc (Electrolytic Tinplate)
- KCS: Kiểm tra chất lượng sản phẩm

III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu tiền thân là Nhà máy đồ hộp Mỹ Châu, được thành lập từ năm 1959 với chức năng cung cấp các sản phẩm đóng hộp cho thị trường nội địa trong những năm 1960-1970.

Sau năm 1975, Nhà máy đồ hộp Mỹ Châu được đổi tên thành Nhà máy Thực phẩm Xuất khẩu Mỹ Châu trực thuộc Tổng Công ty Rau Quả Việt Nam, chuyên xuất khẩu các sản phẩm rau quả đóng hộp sang thị trường Châu Âu và Bắc Mỹ với sản lượng đồ hộp lên đến 10.000 tấn/năm vào những năm 1980.

Đến năm 1999, Nhà máy Thực phẩm Xuất khẩu Mỹ Châu được chuyển thành Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10/12/1998 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty cổ phần đã chuyển hướng hoạt động sang lĩnh vực in và sản xuất bao bì bằng kim loại, chuyên cung cấp các tờ in và bao bì bằng kim loại được thiết kế, in ấn hoàn hảo để cạnh tranh với hàng nhập khẩu và hướng đến xuất khẩu.

Để đạt mục tiêu cho ra đời những sản phẩm đạt chất lượng cao và cạnh tranh với hàng ngoại nhập, Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu đã không ngừng đầu tư đổi mới trang thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm.

Năm 1999, Công ty đầu tư một dây chuyền in 01 màu nhãn hiệu LTG-MAILANDER của Cộng hoà Liên bang Đức với công suất 5.500 tờ in/giờ.

Năm 2000, Công ty đầu tư một dây chuyền dập lon 2 mảnh tự động nhãn hiệu DECEPEDA của Tây Ban Nha với công suất 6.000 hộp/giờ, trang bị thêm một đầu máy in (thành dây chuyền in 2 màu) cùng với hệ thống kiểm soát mực tự động nhãn hiệu CABER do Ý sản xuất và một dây chuyền cắt sắt cuộn do Nhật Bản sản xuất.

Năm 2001, Công ty đầu tư thêm một dây chuyền tráng verni trên kim loại Model 2000-2001 nhãn hiệu LTG-MAILANDER của Cộng hoà Liên bang Đức với công suất 5.500 tờ/giờ và một hệ thống máy dập nắp tự động nhãn hiệu SHIN I do Đài Loan sản xuất. Hệ thống máy này có thể sản xuất ra các cỡ nắp với đường kính: Ø50mm, Ø52mm, Ø73mm, Ø84mm, Ø99mm.

Đến năm 2003, Công ty đã thực hiện việc quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000 do tổ chức SGS cấp chứng nhận. Với việc thực hiện tiêu chuẩn ISO 9001:2000 đã làm cho hoạt

động sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng hiệu quả và nhận thức của người lao động ngày càng được nâng cao.

Năm 2004, Công ty tiếp tục đầu tư một dây chuyền sản xuất lon hàn điện tự động thuộc loại hiện đại nhất hiện nay gồm máy hàn nhãn hiệu SOUDRONIC-AFB200 do Thuỵ Sỹ sản xuất, một modul ghép lon tự động hiệu SABATIER do Pháp sản xuất, một máy thử độ kín lon hiệu BONFIGLIOLI do Ý sản xuất và một máy xếp kiện, đóng gói hiệu MECTRA do Ý sản xuất.

Năm 2005, Công ty đầu tư thêm một máy cắt sắt thân lon tự động hiệu CEPAK do Ý sản xuất để đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Từ năm 2006 trở đi, Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu sẽ hướng đến việc đầu tư chiều sâu nhằm mở rộng quy mô sản xuất, hiện đại hoá máy móc thiết bị và tiếp tục thực hiện chiến lược đa dạng hoá sản phẩm dựa trên nền tảng của các dự án đầu tư đã thành công từ năm 1999 đến năm 2005.

1.2. Giới thiệu về Công ty

- Tên Công ty: Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu
- Tên tiếng Anh: My Chau Printing & Packaging Holdings Co
- Tên viết tắt: MPC
- Biểu tượng của Công ty:
- Vốn điều lệ: 17.000.000.000 VNĐ
- Trụ sở chính: 18 Luỹ Bán Bích, Phường Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84-8) 961 2728 Fax: (84-8) 961 2737
- Email: mychauco@hcm.vnn.vn
- Website: www.mychau.com.vn
- Giấy CNĐKKD: Số 063372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05 tháng 03 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 19 tháng 01 năm 2004.
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- In, tráng verni trên sắt.

- Sản xuất, gia công các loại bao bì bằng kim loại.
- Kinh doanh các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ), các loại vật tư, hoá chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá.
- Mua bán các loại máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực: in, tráng verni trên sắt lá, sản xuất các loại bao bì bằng kim loại và sản xuất các loại sắt lá.
- Dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng của Công ty.

- Thời hạn hoạt động của Công ty: 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (05/03/1999).
- Vốn điều lệ: 17.000.000.000 VNĐ (Mười bảy tỷ đồng chẵn)
- Cơ cấu vốn điều lệ:

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ
Vốn Nhà nước	01	965.600	56,80%
Cổ đông trong Công ty	50	217.090	12,77%
Cổ đông ngoài Công ty	51	517.310	30,43%
Tổng cộng	**102**	**1.700.000**	**100,00%**

2. Cơ cấu tổ chức

2.1. Hệ thống nhà xưởng của Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ
1	VĂN PHÒNG CÔNG TY	18 Luỹ Bán Bích, Phường Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh.
2	PHÂN XƯỞNG IN VÀ TRÁNG VERNI In màu và tráng verni trên kim loại.	18 Luỹ Bán Bích, Phường Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh.
3	PHÂN XƯỞNG LON HÀN ĐIỆN Sản xuất lon hàn điện 2 mảnh và 3 mảnh.	18 Luỹ Bán Bích, Phường Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh.
4	PHÂN XƯỞNG BAO BÌ CÁC LOẠI Sản xuất các loại bao bì kim loại.	18 Luỹ Bán Bích, Phường Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh.

2.2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI kỳ họp thứ VIII thông qua ngày 29/11/2005. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh

nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty. Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 10/01/1999 và được sửa đổi bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu áp dụng đối với các Công ty niêm yết là cơ sở chi phối mọi hoạt động của Công ty.

Hiện tại, bộ máy tổ chức của Công ty là gọn nhẹ và hoạt động khá hiệu quả. Công ty có một Giám đốc điều hành, một phó Giám đốc phụ trách sản xuất, một phó Giám đốc phụ trách kinh doanh và các phòng ban với các chức năng nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Phòng Tổ chức hành chánh chịu trách nhiệm quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của các lĩnh vực như: công tác cán bộ, nhân sự, tiền lương, thi đua, khen thưởng, chế độ chính sách cho người lao động và công tác hành chính quản trị trong Công ty.
- Phòng Kế hoạch chịu trách nhiệm về công tác kế hoạch vật tư như: theo dõi, báo cáo tiến độ sản xuất hàng ngày, soạn thảo các hợp đồng kinh tế liên quan đến công việc được giao, dự trù, cung cấp vật tư, nguyên nhiên vật liệu phục vụ cho sản xuất, soạn thảo và theo dõi việc thực hiện các dự án đầu tư, quản lý và theo dõi hồ sơ nhập khẩu hàng hoá của Công ty.
- Phòng Tài chính kế toán chịu trách nhiệm về việc hạch toán kế toán, tổ chức hệ thống chứng từ theo đúng quy định của Nhà nước và tham mưu cho Giám đốc về công tác kế toán tài chính, thống kê.
- Phòng KCS chịu trách nhiệm về việc kiểm tra giám sát theo dõi sản phẩm từ công đoạn nguyên liệu đầu vào cho đến thành phẩm cuối cùng.
- Phòng Kinh doanh chịu trách nhiệm về việc quản lý mọi hoạt động kinh doanh, đề xuất các quyết định về chiến lược kinh doanh bán hàng, tính giá và đề xuất các hình thức thanh toán đối với khách hàng, theo dõi các hợp đồng bán hàng và đề xuất các kế hoạch sản xuất và mua hàng.
- Phân xưởng sản xuất, bao gồm: phân xưởng in và tráng verni, phân xưởng lon hàn điện, phân xưởng bao bì các loại chịu trách nhiệm sản xuất ra sản phẩm đáp ứng nhu cầu kế hoạch của Công ty.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

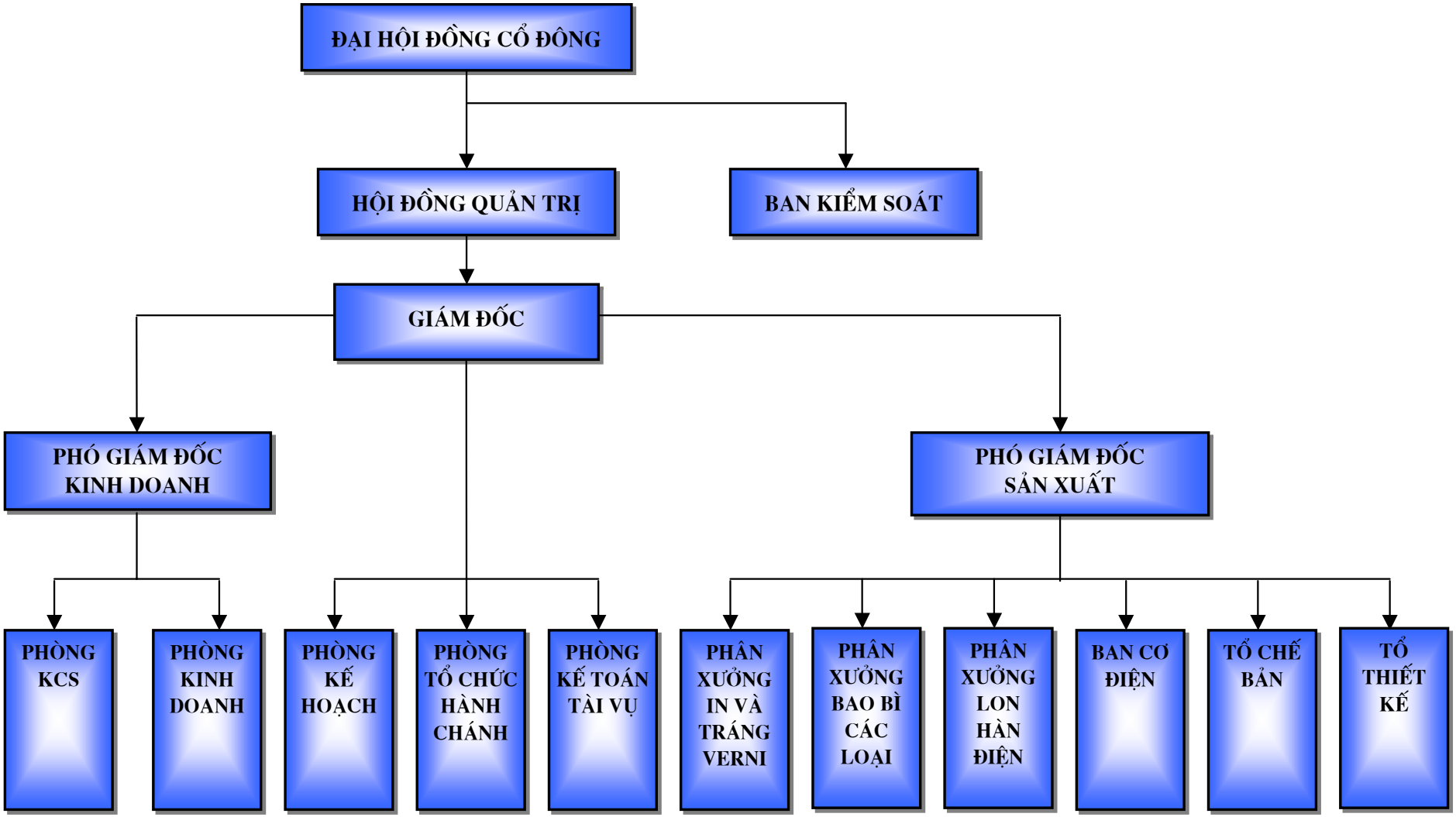

3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và người được cổ đông ủy quyền.

Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, quản lý Công ty giữa 2 kỳ Đại hội. Hiện tại Hội đồng quản trị Công ty có 4 thành viên, nhiệm kỳ mỗi thành viên là 3 năm, và 1/3 số thành viên được bầu lại mỗi năm.

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty. Hiện tại Ban kiểm soát Công ty gồm 2 thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ 3 năm, và 1/3 số thành viên được bầu lại mỗi năm.

Ban Giám đốc: Ban Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội cổ đông thông qua. Giám đốc và các phó giám đốc có nhiệm kỳ là 3 năm.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 30/06/2006:

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Tổng Công ty Rau quả Nông sản	Số 2 Phạm Ngọc Thạch, Quận Đống Đa, Hà Nội	965.600	9.656.000.000	56,80%
	Tổng cộng		**965.600**	**9.656.000.000**	**56,80%**

5. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 063372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/03/1999, Cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu bao gồm:

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Nguyễn Văn Kỳ	168 Vĩnh Viễn, Phường 9, Quận 10, Tp.HCM.	60.000	6.000.000.000	35,29%

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ SỞ HỮU
2	Trịnh Hữu Minh	804 Hồng Bàng, Phường 1, Quận 11, Tp.HCM.	39.620	3.962.000.000	23,31%
3	Cù Văn Lập	1300/P1 Hương lộ 14, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM.	2.000	200.000.000	1,18%
4	Nguyễn Quí	528/3 Phạm Văn Chí, Phường 8, Quận 6, Tp.HCM.	2.000	200.000.000	1,18%
5	Nguyễn Văn Phước	224 Hùng Vương, Phường 1, Quận 11, Tp.HCM.	2.000	200.000.000	1,18%
	Tổng cộng		**105.620**	**10.562.000.000**	**62,14%**

6. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành

6.1. Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối của Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu:

- Tổng Công ty Rau quả Nông sản nắm giữ 56,80% Vốn điều lệ Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu.

6.2. Danh sách các Công ty mà Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu đang nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối: Không có.

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Các nhóm sản phẩm chính của Công ty

Sản phẩm chính của Công ty là bao bì kim loại, được chia làm 4 nhóm sản phẩm sau: bao bì kim loại 2 mảnh, bao bì kim loại 3 mảnh, sản phẩm tráng verni và in trên kim loại.

a) Bao bì kim loại 2 mảnh:

Bao bì 2 mảnh có đặc điểm là thân và đáy lon được dính liền nhau, được hình thành từ công nghệ dập và vuốt từ phôi nguyên liệu bằng thép lá mạ crom (TFS) hoặc bằng thép lá tráng thiếc (ETP). Với công nghệ dập và vuốt này, sản phẩm do Mỹ Châu sản xuất gồm 3 dòng sản phẩm có đường kính là Ø65mm, Ø84mm và Ø99mm với các chiều cao thân lon

khác nhau. Tất cả các loại bao bì 2 mảnh của Công ty đều được thanh trùng ở nhiệt độ 121^{0}C trong vòng 90 phút nên rất phù hợp với công nghệ chế biến và bảo quản các loại thực phẩm đóng hộp.

b) Bao bì kim loại 3 mảnh:

Bao bì 3 mảnh của Công ty được phân thành hai loại tuỳ theo công nghệ sản xuất:

- Bao bì 3 mảnh ứng dụng công nghệ hàn thế hệ cũ với độ chồng mí từ 0,6 đến 0,8mm, phù hợp cho việc sản xuất các loại bao bì đựng sơn, keo, dầu nhớt, hộp thiếc đựng bánh kẹp,... Công nghệ hàn bao bì kim loại này đã thể hiện được tính ưu việt trong những năm 80 nhưng bị thay thế dần bởi công nghệ hàn hiện đại. Tuy nhiên, cho đến nay sản phẩm bao bì 3 mảnh sản xuất theo công nghệ hàn cũ vẫn đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Mỹ Châu, do giá thành vừa phải, dễ thao tác, dễ bảo trì và dễ dàng thay đổi kiểu dáng và kích thước.
- Bao bì 3 mảnh ứng dụng công nghệ hàn hộp tiên tiến với độ chồng mí hàn từ 0,4 đến 0,6 mm với đặc điểm là thân và đáy lon được ghép lại với nhau được hình thành bằng công nghệ ghép mí. Bằng công nghệ này, Mỹ Châu sản xuất được nhiều dòng có đường kính là Ø50mm, Ø52mm, Ø65mm, Ø73mm, Ø84mm và Ø99mm với nhiều chiều cao thân lon khác nhau. Sản phẩm bao bì 3 mảnh dạng này chủ yếu cung cấp cho các đơn vị sản xuất thực phẩm, sữa bột đóng hộp, nước trái cây các loại,...

c) Sản phẩm tráng verni:

Sản phẩm tráng bao gồm hai chức năng chính là tráng nền để cung cấp nguyên liệu đầu vào cho ngành in và tráng verni trên bề mặt tờ in để bảo vệ bề mặt in không bị trầy xước và giữ cho độ bóng ổn định. Với công nghệ tiên tiến nhất châu Âu hiện nay, sản phẩm tráng verni của Mỹ Châu được thực hiện trên tờ thép với độ dầy từ 0,15 đến 0,40mm. Ngoài ra, Công ty còn tạo ra được sản phẩm tráng verni trên nhôm lá, đây là một công nghệ đặc biệt chỉ có ở Mỹ Châu.

d) Sản phẩm in:

Sản phẩm in trên bề mặt kim loại hiện nay của Mỹ Châu được sản xuất trên những thiết bị in và công nghệ tiên tiến nhất thế giới, ứng dụng nguyên lý in offset kết hợp với những thiết bị phụ trợ trong quá trình sản xuất như hệ thống cân chỉnh mực tự động đã giúp cho sản phẩm in của Công ty có độ mịn màng, sắc nét cao, màu in thống nhất và ổn định trong suốt quá trình sản xuất. Với những đặc tính trên, sản phẩm in của Mỹ Châu hiện rất được ưa chuộng đối với các đơn vị sản xuất nắp chai, sữa bột, lon sơn, hộp bánh kẹo, và các sản phẩm bao bì kim loại khác.

CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU CỦA MỸ CHÂU

Bao bì 2 mảnh

Bao bì 3 mảnh

Sản phẩm in và tráng verni

7.2. Doanh thu, lãi gộp qua các năm

Khi ghi nhận doanh thu, lợi nhuận, Công ty chia sản phẩm bao bì kim loại ra làm 2 nhóm sản phẩm chính là: (1) lon hàn điện gồm bao bì kim loại 2 mảnh và bao bì kim loại 3 mảnh được sản xuất theo công nghệ hàn hộp tiên tiến; (2) lon sơn, hộp bánh, nắp là bao bì kim loại 3 mảnh được sản xuất theo công nghệ hàn thế hệ cũ.

a) Doanh thu từng nhóm sản phẩm qua các năm

Khoản mục	Năm 2004		Năm 2005		30/06/2006	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng
Lon hàn điện	6.532	4,66%	24.310	16,43%	13.982	19,33%
Lon sơn, hộp bánh, nắp	37.691	26,88%	42.892	28,98%	19.487	26,93%
Thép TP tráng, gia công tráng	13.249	9,45%	17.563	11,87%	11.140	15,40%
Thép TP in, gia công in	73.703	52,57%	51.301	34,66%	21.369	29,54%
Các sản phẩm, dịch vụ khác	9.034	6,44%	11.940	8,06%	6.367	8,80%
Tổng doanh thu	**140.209**	**100,00%**	**148.006**	**100,00%**	**72.345**	**100,00%**

Nguồn: Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu

b) Lãi gộp từng nhóm sản phẩm qua các năm

Khoản mục	Năm 2004		Năm 2005		30/06/2006	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng
Lon hàn điện	-1.814	-13,83%	690	4,49%	-119	-1,64%
Lon sơn, hộp bánh, nắp	54	0,41%	1.947	12,68%	301	4,15%
Thép TP tráng, gia công tráng	1.121	8,55%	2.001	13,02%	923	12,73%
Thép TP in, gia công in	10.386	79,23%	7.821	50,89%	4.303	59,35%
Các sản phẩm, dịch vụ khác	3.361	25,64%	2.908	18,92%	1.842	25,41%
Tổng lãi gộp	**13.108**	**100,00%**	**15.367**	**100,00%**	**7.250**	**100,00%**

Nguồn: Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU DOANH THU, LÃI GỘP NĂM 2005

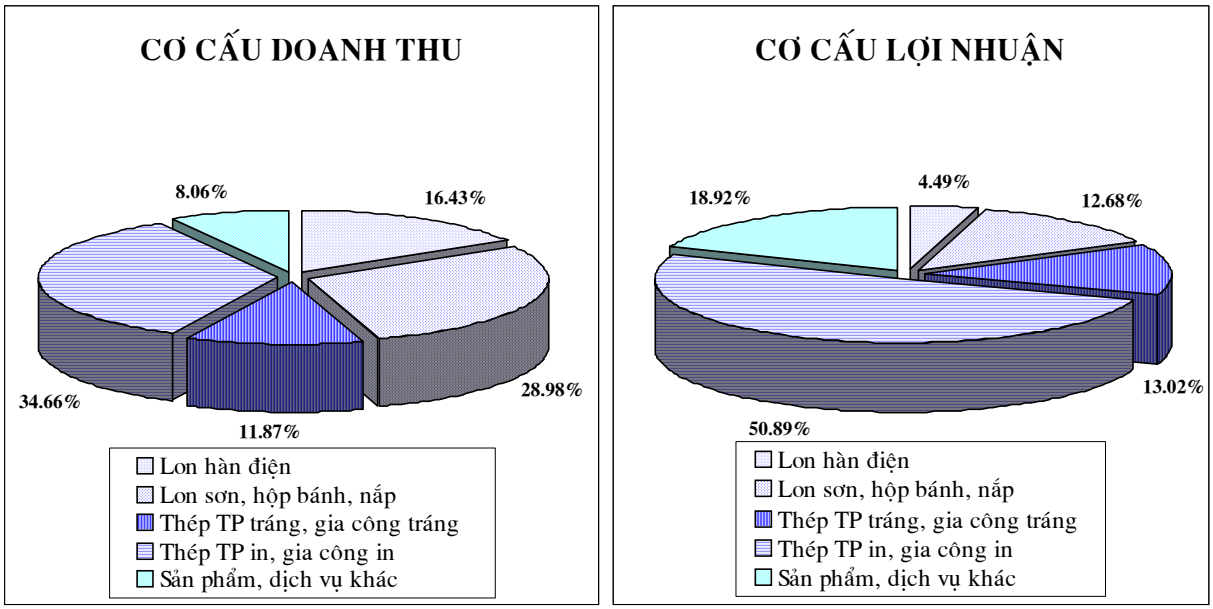

Biểu đồ cơ cấu doanh thu và lợi nhuận trên cho thấy, phần lớn doanh thu và lợi nhuận của Công ty là do sản phẩm gia công in tráng trên thép lá mang lại và cơ cấu này thay đổi theo xu hướng tăng dần của sản phẩm lon hàn điện, lon sơn, hộp bánh và nắp các loại. Mặc dù, ngành sản xuất lon hàn điện và lon sơn, hộp bánh, nắp các loại là ngành sản xuất chính nhưng lợi nhuận mang lại vẫn còn rất thấp và thậm chí còn lỗ trong năm 2004. Nguyên nhân là do ngành sản xuất lon của Công ty mới chỉ được đầu tư và đi vào hoạt động từ tháng 07 năm 2005 nên thị trường vẫn còn hạn chế và trong những năm đầu mức khấu hao tài sản cố định còn ở mức cao. Ngoài ra, ngành in tráng là công đoạn tạo ra sản phẩm đầu vào cho ngành sản xuất bao bì kim loại nên khi sản xuất bao bì kim loại tăng mạnh đã tạo cơ hội tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận cho ngành in tráng. Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh trong tương lai ngành sản xuất bao bì kim loại của Công ty sẽ tăng trưởng mạnh cả về doanh thu và lợi nhuận góp phần làm tăng hiệu quả hoạt động của Công ty.

7.3. Nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chính của Công ty là thép lá các loại, bao gồm: thép lá tráng thiếc và thép lá mạ crom với độ dày khác nhau tuỳ theo yêu cầu sản phẩm cần sản xuất. Ngoài ra, Công ty còn sử dụng các loại nguyên vật liệu phụ khác như: nắp dễ mở, dây đồng, mực in, verni, dung môi và hoá chất tráng các loại. Nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu được nhập khẩu từ các nước trong khu vực và trên thế giới. Nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty từ các nhà cung ứng trong nước và nước ngoài trong những năm qua tương đối ổn định, bình quân mỗi năm Công ty sử dụng khoảng 80 triệu USD nguyên vật liệu, trong đó nguyên liệu nhập khẩu chiếm khoảng 65%-70%, phần còn lại Công ty mua của các doanh nghiệp

trong nước có vốn đầu tư nước ngoài. Đối với một số loại thép nguyên liệu có thể sản xuất được trong nước thì chất lượng và giá cả gần như tương đương với thép nhập khẩu, việc sử dụng một phần nguyên vật liệu trong nước nhằm tạo ra đối trọng với nguyên vật liệu nhập khẩu để thuận lợi hơn cho Công ty trong việc thoả thuận, ký kết hợp đồng và giúp Công ty chủ động hơn về nguồn nguyên liệu. Ngoài ra, hầu hết các loại hoá chất và thép cao cấp Công ty đều nhập khẩu từ nước ngoài do trong nước vẫn chưa đủ năng lực sản xuất.

a) Nguồn nguyên vật liệu:

- Nguyên vật liệu chính của Công ty là thép lá các loại được nhập khẩu chủ yếu từ các nước như: Mỹ, Nhật, Hàn Quốc và một phần được mua trong nước tuỳ theo nhu cầu sản xuất sản phẩm. Ngoài ra, các loại nguyên vật liệu phụ của Công ty được nhập khẩu chủ yếu từ các nước trong khu vực như: Singapore, Thái Lan, Malaysia,...
- Nguồn nguyên nhiên vật liệu của Công ty được cung cấp bởi các doanh nghiệp lớn, có uy tín nên Công ty có thể đảm bảo ổn định được yếu tố đầu vào cho quá trình sản xuất. Trong những năm qua, Công ty luôn tạo được sự ổn định về nguyên vật liệu cung ứng cho sản xuất nhờ vào chính sách dự trữ nguyên vật liệu hợp lý và kịp thời. Tuy nhiên, với tình hình tăng giá chung trên thị trường nguyên vật liệu trong thời gian qua, giá thành sản phẩm của Công ty có khả năng gia tăng trong thời gian tới.
- Danh sách một số nhà cung cấp nguyên liệu chính của Công ty:

STT	NGUYÊN LIỆU	NHÀ CUNG CẤP	ĐỊA ĐIỂM
I. NHÀ CUNG ỨNG TRONG NƯỚC:			
1	Thép lá tráng thiếc dạng tờ & cuộn	PERSTIMA (VIETNAM) CO. LTD.	Bình Dương Việt Nam
2	Dây đồng Soudronic	CFT VINA COPPER CO. LTD.	Bình Dương Việt Nam
II. NHÀ CUNG ỨNG NƯỚC NGOÀI:			
1	Thép lá tráng thiếc và thép lá mạ crom dạng tờ & cuộn	DAE SE INTERNATIONAL CO. LTD. KYODO CO.INC. CHENG LIH TRADING CO.LTD. VIKING INDUSTRIAL CORP.	Hàn Quốc Nhật Bản Anh Mỹ
2	Thép lá mạ crom dạng tờ	SK GLOBAL CO. LTD.	Hàn Quốc

STT	NGUYÊN LIỆU	NHÀ CUNG CẤP	ĐỊA ĐIỂM
3	Hoá chất ngành in và mực in	HAWARD INTER PTE. LTD.	Singapore
		CDI SAKATA INX. CORP.	Philippines
		ICI PAINTS (SING.) PTE. LTD.	Singapore
		PPG INDUSTRIAL (SING.) PTE.LTD.	Singapore
		VT OVERSEAS TRADING (S) PTE. LTD	Singapore
4	Nắp dễ mở	ONTIME DEVELOPMENT	Mỹ
		DONGWON SYSTEM CORP	Hàn quốc
		KOLON INTER. CORP	Hàn quốc
5	Cao su in offset	MELCHERS TECHEXPORT GMBH	Bremen

b) Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Các nhà cung ứng thép lá trong nước đều là những nhà cung ứng lớn, có uy tín và địa điểm không quá xa trụ sở Công ty nên nguồn nguyên vật liệu luôn sẵn có, chi phí vận chuyển không đáng kể. Để đáp ứng đủ số lượng nguyên vật liệu cho sản xuất, Công ty đã chủ động tìm kiếm nguồn cung ứng nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp nước ngoài thông qua đại diện đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, với số lượng hiện tại lên đến 20 nhà cung cấp. Các nhà cung cấp nước ngoài là những Công ty lớn, uy tín, luôn đảm bảo yêu cầu về chất lượng và số lượng trong quá trình hợp tác.

Trong thời gian vừa qua, giá nguyên vật liệu biến động tăng khoảng 10%-15% là do biến động về tình hình chính trị trên thế giới, nhu cầu tiêu thụ, dự trữ thép nguyên liệu của một số quốc gia tăng cao cùng với việc giá dầu thô trên thị trường thế giới biến động tăng đã làm cho giá cả của các loại hoá chất tăng mạnh gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế những biến động này, Công ty đã đưa ra một số biện pháp nhằm khắc phục biến động về số lượng cũng như giá cả nguyên vật liệu như:

- Đảm bảo lượng thép và nguyên vật liệu phụ dự trữ đáp ứng nhu cầu sản xuất, đảm bảo khả năng sản xuất liên tục trong khoảng 2-3 tháng tùy thuộc vào từng thời điểm và nhu cầu sản xuất của Công ty.
- Thường xuyên thu thập thông tin, thống kê dự báo và nhận định tình hình để có chính sách dự trữ hợp lý, kịp thời. Hiện nay, việc nghiên cứu biến động giá nguyên vật liệu do Phòng Kinh doanh của Công ty đảm trách và được dự báo trên cơ sở thống kê giá nguyên liệu hàng tháng, hàng quý, hàng năm và những thông tin, nhận định của các chuyên gia trong nước và quốc tế. Ngoài ra, với việc là một khách hàng lớn nên Công ty thường xuyên nhận được ý kiến tư vấn, thông tin về giá cả, tình hình biến động

nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp để có được những kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu hợp lý nhất.

- Do Công ty chỉ ký hợp đồng nguyên tắc với khách hàng và ký hợp đồng cụ thể theo từng đơn đặt hàng nên trong trường hợp giá nguyên vật liệu biến động mạnh và lâu dài thì Công ty sẽ thương thảo với khách hàng để điều chỉnh giá bán cho phù hợp vừa để đảm bảo quyền lợi cho Công ty vừa không làm ảnh hưởng đến lợi ích của khách hàng.

c) Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Chi phí nguyên vật liệu mà phần lớn là thép lá các loại chiếm khoảng 80% giá thành sản phẩm, do đó việc tăng hoặc giảm giá nguyên vật liệu sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2005 giá thép nguyên liệu đầu vào tăng cao, vào khoảng 20% so với năm 2004 (tăng từ 725USD/tấn lên 882USD/tấn) đã làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp không ít khó khăn. Tuy nhiên, để đối phó với tình trạng biến động tăng giá nguyên vật liệu, Công ty cũng đã điều chỉnh dần giá bán các sản phẩm cho phù hợp với tình hình mới với mức tăng giá bình quân khoảng 12% trong năm 2005. Mặc dù mức độ tăng giá bán sản phẩm không theo kịp mức độ tăng giá nguyên vật liệu nhưng với việc điều chỉnh giá bán sản phẩm theo biến động giá nguyên vật liệu và tiết kiệm nguyên vật liệu để giảm giá thành đã giúp Công ty giữ vững được tốc độ tăng trưởng lợi nhuận hàng năm vào khoảng 8%-12%.

Do nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng rất lớn trong giá thành sản phẩm nên giá cả nguyên vật liệu là yếu tố mang tính quyết định đối với doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Nếu giá bán sản phẩm cố định thì sự biến động tăng, giảm giá nguyên vật liệu sẽ tác động trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, do giá bán sản phẩm của Mỹ Châu mang tính định hướng thị trường nên Công ty luôn có chính sách điều chỉnh giá bán phù hợp với từng thời điểm và phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

7.4. Chi phí sản xuất

Bằng các biện pháp hợp lý hoá các công đoạn sản xuất, quy trình sản xuất khép kín từ khâu đưa nguyên vật liệu vào sản xuất đến khi tạo ra thành phẩm và tận dụng tối đa những sản phẩm hư hỏng trong quá trình sản xuất nên Mỹ Châu đã giảm thiểu tối đa tỷ lệ hao hụt nguyên vật liệu cũng như tỷ lệ phế liệu phát sinh. Hiện tại, tỷ lệ sản phẩm hỏng trong quá trình sản xuất đã được giảm xuống dưới 2% và đối với những sản phẩm hỏng ở mức không nghiêm trọng đều được sửa chữa cho phù hợp hoặc tận dụng đưa vào sản xuất ở những công đoạn khác hoặc chủng loại sản phẩm khác. Hơn nữa, do dây chuyền sản xuất của Công ty hầu hết đều hiện đại nên mức tiêu hao nguyên vật liệu cho mỗi đơn vị sản phẩm ở mức thấp. Nhờ vào những đặc điểm này, Mỹ Châu đã kiểm soát tốt nhất chi phí nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Công ty thực hiện việc kiểm soát các chi phí thông qua việc kiểm soát toàn bộ quá trình sản xuất. Quy trình sản xuất của Mỹ Châu được thiết lập cụ thể, chặt chẽ và đồng bộ, bảo đảm thực hiện công việc chính xác ở mọi khâu ngay từ ban đầu để ngăn ngừa các sai sót, hư hỏng phát sinh. Ngoài ra, hàng tháng bộ phận Kế toán lập báo cáo kiểm soát chi phí sản xuất, báo cáo này được luân chuyển qua nhiều cấp khác nhau, từ Kế toán trưởng đến Giám đốc điều hành.

- Tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty so với doanh thu thuần cung cấp hàng hóa và dịch vụ:

STT	Yếu tố chi phí	Năm 2004		Năm 2005		30/06/2006	
		Giá trị (đ)	% Doanh thu	Giá trị (đ)	% Doanh thu	Giá trị (đ)	% Doanh thu
1	Giá vốn hàng bán	127.101.559.178	90,65%	132.638.294.958	89,62%	65.098.451.652	89,98%
2	Chi phí bán hàng	1.021.889.001	0,73%	2.162.674.544	1,46%	936.127.532	1,29%
3	Chi phí quản lý DN	4.093.967.800	2,92%	4.130.500.011	2,79%	1.843.451.418	2,55%
TỔNG		**132.217.415.979**	**94,30%**	**138.931.469.513**	**93,87%**	**67.878.030.602**	**93,82%**

- Sự biến động các khoản mục chi phí trong 2 năm gần nhất:

STT	Yếu tố chi phí	Năm 2004	Năm 2005	% tăng giảm so với 2004
1	Giá vốn hàng bán	127.101.559.178	132.638.294.958	4,36%
2	Chi phí bán hàng	1.021.889.001	2.162.674.544	111,63%
3	Chi phí quản lý DN	4.093.967.800	4.130.500.011	0,89%
TỔNG		**132.217.415.979**	**138.931.469.513**	**5,08%**

- Phân tích biến động chi phí sản xuất của Công ty:

- Giá vốn hàng bán: So với năm 2004, tỷ trọng giá vốn hàng bán/doanh thu năm 2005 đã giảm từ 90,65% xuống còn 89,62% cho thấy Công ty đã nỗ lực kiểm soát chi phí nguyên vật liệu đầu vào. Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp đồng thời để giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm tối đa nguyên vật liệu như hợp lý hoá quy trình sản xuất, tận dụng tối đa năng suất của thiết bị hiện đại, kiểm tra chặt chẽ trong quá trình sản xuất nhằm giảm thiểu tỷ lệ phế phẩm, thường xuyên cập nhật lại định mức nguyên liệu và lao động, xây dựng chiến lược tồn kho nguyên vật liệu một cách hợp lý.

- Chi phí bán hàng: So với năm 2004, tỷ trọng chi phí bán hàng/doanh thu năm 2005 tăng từ 0,73% lên 1,46%. Mặc dù chi phí bán hàng tăng mạnh trong năm 2005 nhưng xét về giá trị thì tăng trưởng chi phí bán hàng là không đáng kể so với tăng trưởng doanh thu. Mức độ tăng trưởng chi phí bán hàng là hợp lý và hoàn toàn phù hợp với việc mở rộng thị phần và gia tăng sản lượng cũng như số lượng khách hàng tiêu thụ sản phẩm của Công ty.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: So với năm 2004, tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp/doanh thu năm 2005 đã giảm từ 2,92% xuống còn 2,79% chứng tỏ nỗ lực của Công ty trong việc kiểm soát chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong bối cảnh tăng trưởng về doanh thu nhưng chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty lại giảm đã thể hiện được tính hiệu quả trong hoạt động điều hành, quản lý Công ty. Công ty đã thực hiện tốt các biện pháp tiết kiệm, giảm thiểu chi phí nhằm mang lại hiệu quả hoạt động cho Công ty.

7.5. Trình độ công nghệ

a) Máy móc thiết bị

Hiện nay, Mỹ Châu đang sở hữu những dây chuyền in, dây chuyền tráng, dây chuyền hàn lon thuộc vào loại hiện đại nhất tại Việt Nam và thuộc vào loại tiên tiến so với các nước trong khu vực và thế giới. Mỹ Châu đang có được lợi thế cạnh tranh rất lớn so với các doanh nghiệp cùng ngành nhờ vào quy trình sản xuất khép kín, dây chuyền sản xuất với công nghệ hiện đại nhất hiện nay nên sản phẩm của Mỹ Châu tạo ra luôn đạt được chất lượng cao, tỷ lệ phế liệu, phế phẩm thấp. Máy móc thiết bị của Công ty được đầu tư có công suất lớn, năng suất cao; tính năng hiện đại, quản lý quy trình sản xuất bằng hệ thống tự động. Dây chuyền sản xuất của Công ty có mức độ tự động hoá cao - trên 90%, từ khâu đưa nguyên vật liệu vào sản xuất đến khi ra thành phẩm đều được thực hiện bằng hệ thống máy móc tự động, công nhân chỉ tham gia vào các công đoạn phụ trợ, vận chuyển nguyên vật liệu, thành phẩm. Máy móc thiết bị của Mỹ Châu đều là thế hệ tiên tiến của các nước phát triển như: Thuỵ Sĩ, Mỹ, Đức, Nhật, Tây Ban Nha,... và được cung cấp bởi các nhà sản xuất thiết bị ngành in và bao bì kim loại hàng đầu thế giới như Soudronic (Thuỵ Sĩ), Mailander LTG (Đức), DECEPEDA (Tây Ban Nha), Kyodoco (Nhật),...

Máy móc thiết bị hiện đại đảm bảo cho Công ty sản xuất những loại sản phẩm có chất lượng cao đáp ứng tốt nhất nhu cầu khách hàng, đảm bảo khả năng cạnh tranh với các đối thủ trong và ngoài nước. Hiện tại, dây chuyền tráng và dây chuyền hàn lon vận hành 2 ca mỗi ngày, đạt tỷ lệ khai thác từ 60%-70% công suất thiết kế nên Công ty vẫn còn nhiều khả năng để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực tráng và sản xuất lon hàn điện. Tuy nhiên, dây chuyền in của Công ty đã vận hành 3 ca mỗi ngày và đạt tỷ lệ

khai thác trên 90% công suất thiết kế nên Công ty sẽ phải đầu tư thêm dây chuyền máy in mới trong thời gian tới để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong lĩnh vực in màu trên chất liệu kim loại. Ngoài ra, Công ty luôn cập nhật những kỹ thuật công nghệ mới nhất vào quy trình sản xuất, thường xuyên kiểm tra, duy tu bảo dưỡng hệ thống máy móc thiết bị đảm bảo cho hoạt động sản xuất diễn ra một cách hiệu quả, tạo ra sản phẩm tốt nhất và giảm tối đa tỷ lệ sản phẩm hỏng.

- Một số máy móc thiết bị chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2006:

TÊN TÀI SẢN	NĂM SD	NƯỚC SX	THỜI GIAN KH (NĂM)	NGUYÊN GIÁ	KHẤU HAO LŨY KẾ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
A. Máy móc thiết bị:						
Dây chuyền tráng verni INGHOR	2001	Tây Ban Nha	5	2.795.980.000	2.795.980.000	0
Dây chuyền tráng verni LTD MAILANDER	2002	Đức	5	9.811.306.712	8.339.610.692	1.471.696.020
Dây chuyền in sấy LTD MAILANDER	2001	Đức	3	13.059.457.381	13.059.457.381	0
Máy hàn thân hộp YUAN ROX	2001	Đài Loan	5	630.707.181	592.864.743	37.842.438
Máy dập lon 2 mảnh DECEPADA	2001	Tây Ban Nha	6	4.495.263.612	4.108.171.464	387.092.148
Đầu máy in 122A MAILANDER	2001	Đức	7	7.343.143.401	5.629.743.264	1.713.400.137
Máy cắt sắt cuộn	2001	Nhật	7	2.647.103.469	2.029.445.990	617.657.479
Máy in mẫu hiệu Korex	2001	Canada	5	767.853.047	767.853.047	0
Dây chuyền dập nắp tự động Ø84 SHINI	2002	Đài Loan	5	783.553.275	679.079.503	104.473.772
Dây chuyền sản xuất hộp vuông	2002	Hồng Kông	5	1.611.301.104	1.208.475.823	402.825.281
Dây chuyền dập nắp tự động	2003	Đài Loan	5	1.114.678.190	613.072.998	501.605.192

TÊN TÀI SẢN	NĂM SD	NƯỚC SX	THỜI GIAN KH (NĂM)	NGUYÊN GIÁ	KHẤU HAO LŨY KẾ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
hoàn chỉnh Ø52, Ø73 SHINI						
Dây chuyền dập nắp TĐ Ø99 hiệu SHINI	2004	Đài Loan	5	686.921.436	297.665.952	389.255.484
Dây chuyền sản xuất lon hàn điện SOUDRONIC	2004	Thuỵ Sĩ	5	24.178.337.007	9.570.591.731	14.607.745.276
Máy thử độ kín lon	2004	Thuỵ Sĩ	5	1.675.201.846	725.920.801	949.281.045
Máy hàn thân, TB trao đổi nhiệt	2004	Đức	5	912.616.354	395.467.084	517.149.270
Máy cắt sắt tự động CEPAK	2005	Italia	5	3.691.124.343	922.781.085	2.768.343.258
Máy xếp kiện pallet MECTRA	2005	Thuỵ Sĩ	5	2.360.642.352	275.408.273	2.085.234.079
B. Phương tiện vận tải:						
Xe nâng Toyota	2001	Nhật	6	253.809.087	231.248.274	22.560.813
Xe ôtô Mitsubishi Joliess	2002	Nhật	6	390.427.856	276.553.064	113.874.792
Xe ôtô tải ISUZU 2 tấn	2003	Nhật	6	293.009.376	170.181.392	122.827.984
Xe ôtô tải ISUZU 2 tấn	2003	Nhật	6	311.783.511	147.231.099	164.552.412
Xe ôtô tải ISUZU 2 tấn	2004	Nhật	6	307.576.049	102.525.346	205.050.703

b) Quy trình sản xuất:

Sản phẩm của Mỹ Châu được sản xuất theo 4 quy trình chính: quy trình in trên kim loại, quy trình tráng, quy trình sản xuất lon 2 mảnh và quy trình sản xuất lon 3 mảnh.

1. Quy trình in trên kim loại:

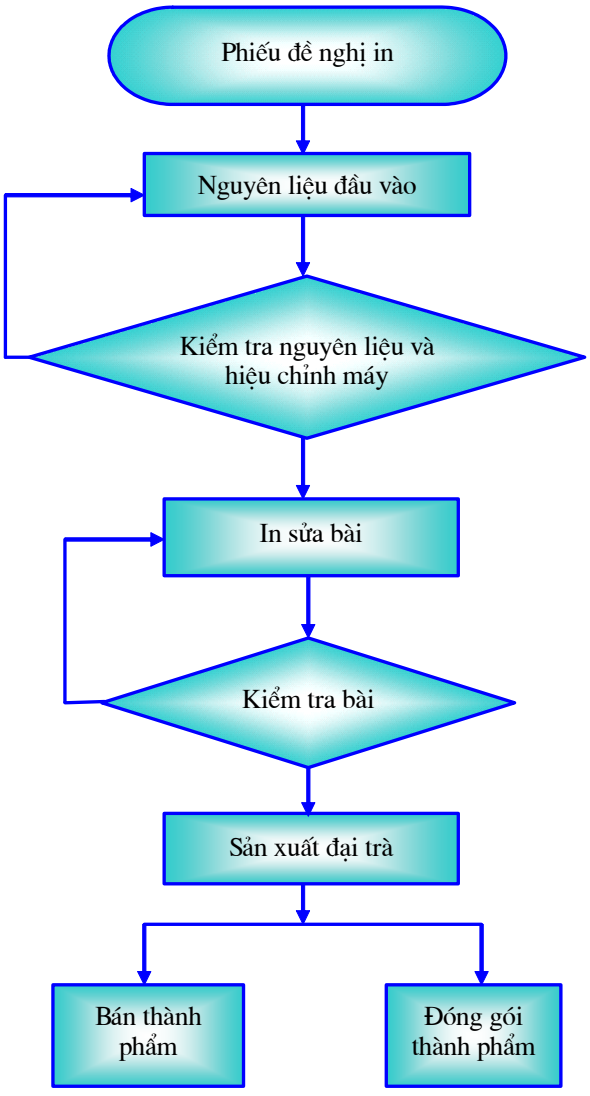

2. Quy trình tráng:

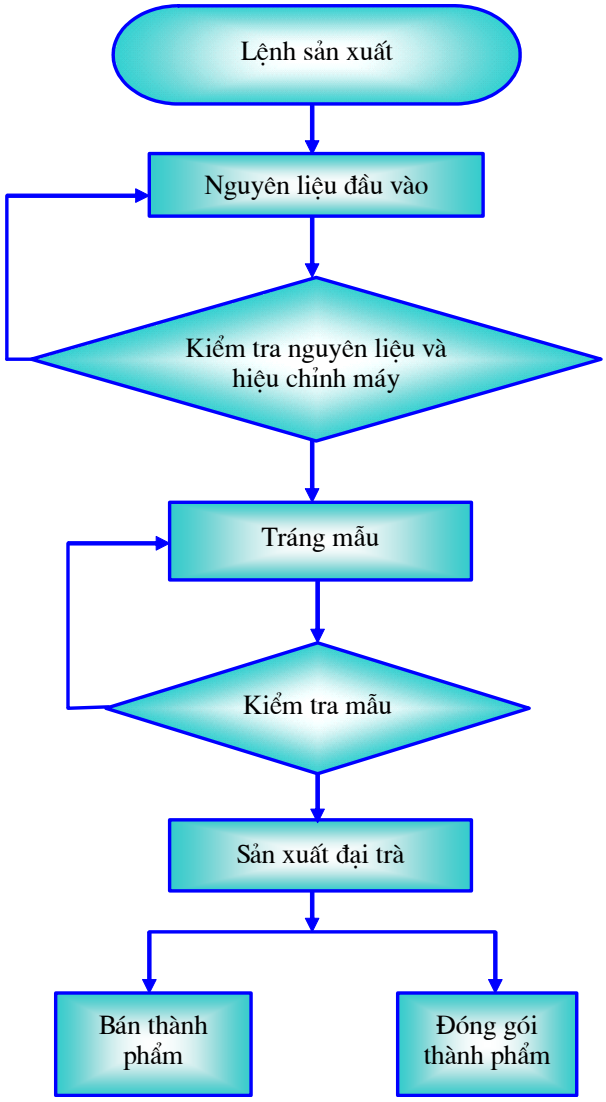

3. Quy trình sản xuất lon 2 mảnh:

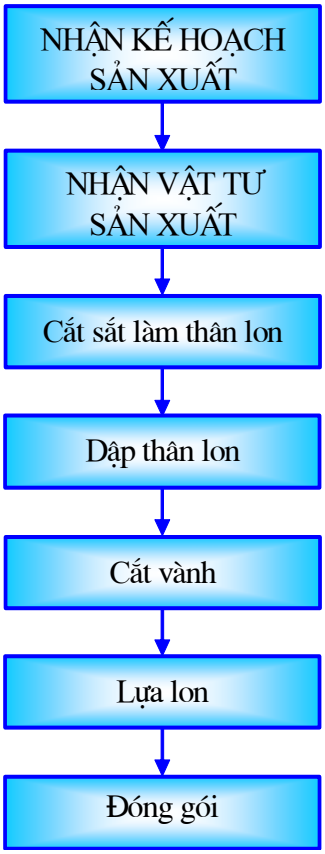

4. Quy trình sản xuất lon 3 mảnh:

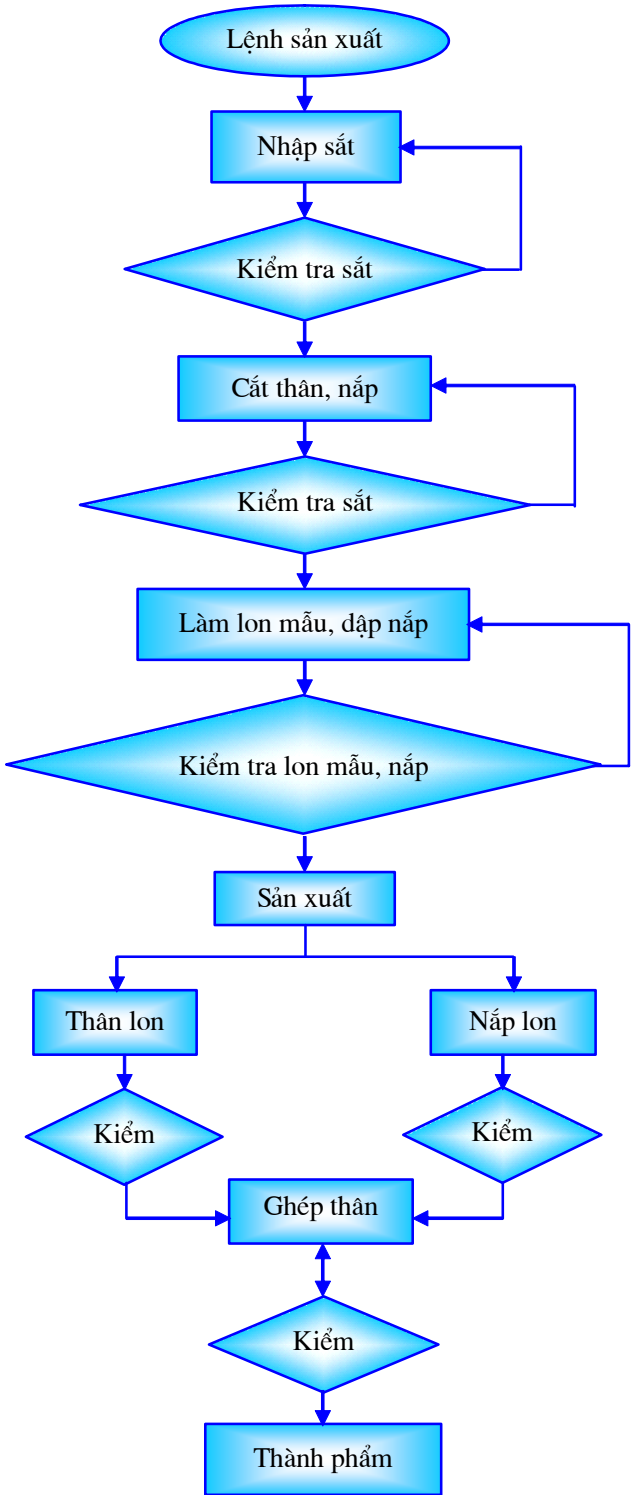

7.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Hiện tại, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đi vào ổn định và Công ty cũng đã chiếm lĩnh được những thị trường tiêu thụ nhất định. Tuy nhiên, thị trường sản phẩm in tráng và bao bì kim loại vẫn còn tiềm năng rất lớn nên Công ty không ngừng đẩy mạnh nghiên cứu thị trường, cải tiến chất lượng sản phẩm để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng. Do đặc thù của Công ty, tất cả mẫu mã, chủng loại sản phẩm do Công ty tạo ra là tuỳ thuộc vào đơn đặt hàng của khách hàng nên Công ty không thể chủ động trong việc cải cách, đổi mới sản phẩm. Hoạt động nghiên cứu phát triển chỉ được thực hiện trong một số lĩnh vực nhất định:

- Nghiên cứu cải tiến quy trình hoạt động sản xuất, từ khâu chuẩn bị nguyên vật liệu đến khi tạo ra thành phẩm để đảm bảo chất lượng sản phẩm là tốt nhất.
- Nghiên cứu, tìm hiểu những kiểu dáng bao bì mới để tư vấn cho khách hàng.
- Tìm tòi, học hỏi, ứng dụng những công nghệ kỹ thuật hiện đại vào quy trình sản xuất.
- Bên cạnh việc sản xuất sản phẩm đáp ứng nhu cầu khách hàng trong nước, Công ty cũng chú trọng đến việc nghiên cứu những kiểu dáng, mẫu mã mới lạ để đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng nước ngoài khi cần thiết.

Đối với hoạt động nghiên cứu phát triển, yếu tố con người đóng vai trò rất quan trọng. Nhân viên bộ phận kỹ thuật là những cán bộ được đào tạo chính quy, có chuyên môn kỹ thuật, trình độ tay nghề cao. Cán bộ công nhân viên cũng thường xuyên được bồi dưỡng, đào tạo để tiếp cận với những thông tin mới nhất về sản phẩm, kỹ thuật, công nghệ mới và xu hướng của thị trường,... Hiện nay, cán bộ kỹ thuật của Công ty đã có thể tự lắp đặt, vận hành được các máy móc thiết bị hiện đại và tiếp cận, vận dụng những công nghệ mới chỉ trong thời gian ngắn.

Sự đầu tư phát triển hoạt động nghiên cứu và phát triển của Công ty đã mang lại những kết quả khả quan. Từ khi đi vào hoạt động đến nay Công ty sản xuất ra rất nhiều sản phẩm với nhiều mẫu mã khác nhau, đáp ứng được nhu cầu ngày càng phong phú, đa dạng của thị trường.

7.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ

a) Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, do tổ chức SGS của Thuỵ Sĩ chứng nhận ngày 19/03/2003 và cập nhật phiên bản vào ngày 19/03/2006. Công ty cũng là một trong những đơn vị đầu tiên được chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng cho lĩnh vực sản xuất sản phẩm in tráng và bao bì kim loại theo yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001:2000, đảm bảo hoạt động của Công ty theo tiêu chuẩn quốc tế.

Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 được Công ty thực hiện một cách nghiêm ngặt, thống nhất; toàn bộ quy trình sản xuất kinh doanh được quản lý chặt chẽ từ lúc đưa nguyên vật liệu vào đến khi sản xuất ra thành phẩm và cung ứng cho khách hàng. Tất cả cán bộ công nhân viên của Công ty chịu trách nhiệm đối với công việc của mình cũng như được tạo điều kiện để chủ động tham gia vào các hoạt động cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm, thoả mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

b) Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm

Trong quá trình sản xuất, sản phẩm của Công ty được kiểm tra chặt chẽ tại mỗi công đoạn qua nhiều cấp độ với sự tham gia kiểm tra trực tiếp của công nhân vận hành máy, nhân viên KCS và nhân viên đảm bảo chất lượng sản phẩm (QA).

Công ty đã thiết lập Phòng Đảm bảo Chất lượng (QA) và bộ phận KCS để điều hành việc quản lý chất lượng trong toàn bộ hệ thống sản xuất của mỗi xưởng sản xuất. Hệ thống máy móc thiết bị được kiểm tra thường xuyên, kịp thời xử lý, khắc phục những hư hỏng phát sinh nhằm đảm bảo cho hệ thống hoạt động tốt. Phó Giám đốc Kỹ thuật phụ trách toàn bộ quá trình sản xuất và kiểm tra sản phẩm, đảm bảo chất lượng sản phẩm đạt các tiêu chuẩn chất lượng Công ty đề ra.

7.8. Hoạt động Marketing

a) Hoạt động nghiên cứu thị trường

Hiện nay, hoạt động nghiên cứu thị trường là do Phòng Kinh doanh của Công ty đảm trách. Công ty triển khai hoạt động nghiên cứu thị trường dưới nhiều hình thức khác nhau, cụ thể như sau:

- Thường xuyên thu thập ý kiến khách hàng và tìm hiểu nhu cầu của thị trường thông qua đội ngũ nhân viên kinh doanh của Công ty, từ đó Công ty luôn nhận được những thông tin phản hồi về thị trường, đối thủ cạnh tranh để cải tiến chất lượng sản phẩm phục vụ tốt nhất cho khách hàng, gia tăng khả năng cạnh tranh và từng bước chiếm lĩnh thị trường.
- Bộ phận nghiên cứu thị trường thường xuyên thu thập thông tin về hoạt động của ngành ở phạm vi trong nước, khu vực và thế giới. Đặc biệt bộ phận nghiên cứu luôn cập nhật thông tin về tình hình biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào và các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp như: giá dầu, tình hình chính trị, nhu cầu dự trữ, sử dụng nguyên

vật liệu trên thế giới,... để có những chiến lược dự trữ, sản xuất kinh doanh phù hợp, kịp thời, đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty.

Các hoạt động nghiên cứu thị trường đã có những tác động rất tích cực đến chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty, góp phần không nhỏ đến sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận cũng như số lượng khách hàng của Công ty trong những năm qua.

b) Hoạt động quảng bá thương hiệu

Mặc dù sản phẩm của Công ty đều được sản xuất theo đơn đặt hàng của khách hàng nhưng Công ty cũng đã áp dụng các hoạt động quảng cáo để quảng bá thương hiệu, giới thiệu thương hiệu của Công ty đến khách hàng, tăng cường uy tín của Mỹ Châu trên thương trường. Bên cạnh việc tham gia giới thiệu thương hiệu của Công ty trên Niên giám những trang vàng, gắn các bảng hiệu quảng cáo ngoài trời, Mỹ Châu cũng đẩy mạnh phát triển thương hiệu thông qua việc tham gia triển lãm sản phẩm ở trong nước và tham dự các triển lãm lớn ở nước ngoài.

Ngoài ra, Công ty cũng đẩy mạnh hoạt động quảng cáo thông qua việc trưng bày áp-phích giới thiệu Công ty In và Bao bì Mỹ Châu và địa chỉ website www.mychau.com.vn của Công ty.

c) Sản phẩm

Do sản phẩm của ngành in tráng và bao bì kim loại là nguyên vật liệu đầu vào của các ngành sản xuất khác nên sản phẩm bao bì kim loại do Mỹ Châu sản xuất đều mang thương hiệu của khách hàng. Tuy nhiên, với những đặc tính vượt trội về chất lượng sản phẩm, uy tín trong kinh doanh, thương hiệu In và Bao bì Mỹ Châu đã tạo được niềm tin trong lòng khách hàng và thật sự trở thành một đối tác đáng tin cậy đối với các đơn vị sản xuất nổi tiếng trong và ngoài nước.

Trong tương lai, Công ty dự kiến sẽ mở rộng hoạt động, tìm kiếm và hợp tác với nhiều đơn vị sản xuất lớn khác, từng bước thay thế hàng nhập khẩu và đẩy mạnh xuất khẩu ra nước ngoài. Công ty luôn hướng đến việc tìm kiếm những cơ hội phát triển mới nhưng vẫn duy trì những tiêu chuẩn cao nhất về chất lượng, đặt mục tiêu chất lượng lên hàng đầu.

d) Hệ thống phân phối

Đến nay, Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu đã xây dựng được mạng lưới khách hàng tiêu thụ sản phẩm Mỹ Châu rộng khắp cả nước theo phương thức tiếp xúc trực tiếp (B2B - Business to Business), trong đó khu vực phía Nam với tiềm lực phát triển kinh tế rất lớn vẫn luôn là thị trường chủ yếu. Mỹ Châu cũng đã xuất khẩu sản phẩm sang một số nước phát triển như Úc, Hàn Quốc với doanh thu chiếm 3% tổng doanh thu của Công ty và Công ty cũng đang từng bước đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu sang các nước trong khu vực và thế giới.

e) Chính sách giá

Hiện nay, giá bán sản phẩm của Mỹ Châu là tương đương với giá bán sản phẩm của các đơn vị hoạt động trong cùng ngành. Để khuyến khích những khách hàng truyền thống và thu hút những khách hàng tiềm năng, Mỹ Châu luôn có chính khách giá phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Công ty có chính sách ưu đãi về giá và cấp tín dụng tuỳ vào số lượng đơn đặt hàng, mức độ đặt hàng thường xuyên và mức độ uy tín của khách hàng trong quá trình thanh toán.

Trong năm 2005, Công ty có điều chỉnh tăng giá bán sản phẩm bao bì kim loại khoảng 12% so với năm 2004 do biến động tăng giá nguyên vật liệu đầu vào.

7.9. Nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ

Nhãn hiệu hàng hóa mà Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu đang sử dụng:

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS CO.

Nhãn hiệu hàng hóa mà Công ty đang sử dụng là nhãn hiệu "MPC" với tên đầy đủ là "PRINTING & PACKAGING HOLDINGS CO.". Nhãn hiệu này đã được Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu đăng ký và bảo hộ tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Nhãn hiệu Hàng hóa số 34 933 do Cục Sở hữu Công nghiệp cấp ngày 20/09/2000. Nhãn hiệu này cũng đã được Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu đăng ký sửa đổi, gia hạn lại tại Cục Sở hữu Công nghiệp vào ngày 05/12/2005, có hiệu lực đến năm 2010 và có thể được gia hạn tiếp.

7.10. Các Hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết

STT	SỐ HĐ	NGÀY KÝ HĐ	TÊN ĐỐI TÁC	NỘI DUNG	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG (ĐỒNG)
1	53/KD/HĐKT/06	22/04/2006	Công ty cổ phần Kinh Đô	Hộp bánh các loại	6.770.767.000
2	06/KD/HĐKT/06	02/01/2006	Công ty cổ phần NGK Sài Gòn	Lon nước yến	6.104.030.436
3	56/KD/HĐKT/06	31/05/2006	Công ty cổ phần Bánh kẹo Biên Hoà BIBICA	Hộp bánh các loại	4.785.732.000
4	01/KD-HĐKT/06	01/01/2006	Công ty TNHH SX	Lon sơn các loại	1.882.852.618

STT	SỐ HĐ	NGÀY KÝ HĐ	TÊN ĐỐI TÁC	NỘI DUNG	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG (ĐỒNG)
			TM Môtô Kiều-Hoàng Sơn		
5	ĐĐH năm 2006	01/01/2006	Công ty TNHH Urai PHANICH	Lon sơn các loại	1.766.661.489
6	24/KD/HĐKT/06	02/01/2006	Công ty cổ phần Sơn á Đông	Lon sơn các loại	1.645.245.886
7	52/KD/HĐKT/06	28/04/2006	Công ty cổ phần Bánh kẹo VINABICO	Hộp bánh các loại	1.587.043.000
8	01/KD-HĐKT/06	22/03/2006	Công ty cổ phần Seaspimex	Lon cá 5,5oz	1.547.602.480
9	88/KD-HĐKT/06	06/07/2006	Công ty TNHH Việt Tùng	Lon cá 5,5oz	1.349.292.000
10	15/KD/HĐKT/06	01/01/2006	Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long	Lon các loại	1.045.405.000
11	89/KD/HĐKT/06	15/03/2006	Công ty SX & TM Mặt Trời Mới	Lon nha đam	1.039.080.000
12	79/KD-HĐKT/06	01/03/2006	Công ty TNHH SX TM Thái Thịnh	Lon yến 8oz	845.898.428

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong hai năm 2004, 2005 và 30/06/2006

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2004	NĂM 2005	% TĂNG GIẢM 2005 SO VỚI 2004	30/06/2006
1	Tổng tài sản	107.059.330.060	98.531.673.908	-7,97%	80.031.352.149
2	Doanh thu thuần	140.209.337.180	148.005.791.369	5,56%	72.345.428.759
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.816.488.572	5.567.699.684	15,59%	3.157.251.105
4	Lợi nhuận khác	364.556.507	250.034.349	-31,41%	150.014.791
5	Lợi nhuận trước thuế	5.181.045.079	5.817.734.033	12,29%	3.307.265.896
6	Lợi nhuận sau thuế	4.694.119.515	5.099.105.505	8,63%	2.966.106.721

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2004, 2005 và quyết toán 30/06/2006

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2005

Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu có sự tăng trưởng tăng trưởng ổn định về doanh thu và lợi nhuận qua các năm trong khi giá trị tài sản lại giảm dần. Cụ thể năm 2005 như sau:

➢ **Tổng tài sản:**

Tổng tài sản giảm 7,97% so với năm 2004, chủ yếu là do tài sản cố định của Công ty giảm 14,5%. Do hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đi vào ổn định, máy móc thiết bị hiện tại của Công ty thuộc thế hệ tiên tiến trên thế giới với công nghệ sản xuất hiện đại nên Công ty đã hạn chế được việc đầu tư mới tài sản cố định để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm qua, việc giá trị tài sản cố định trong năm 2005 giảm so với năm 2004 là do Công ty tiến hành trích khấu hao các tài sản theo quy định.

➢ **Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

So với năm 2004, doanh thu thuần năm 2005 tăng 7.796.454.189 đồng, tương ứng tăng 5,56%. Doanh thu của Công ty tăng là do sự tăng trưởng doanh thu của sản phẩm lon hàn điện, lon các loại và gia công tráng, sắt thành phẩm tráng. Cụ thể:

- Doanh thu sản phẩm lon hàn điện tăng 272,18%.
- Doanh thu sản phẩm lon các loại tăng 13,80%.
- Doanh thu gia công tráng, sắt thành phẩm tráng tăng 32,56%.

Từ năm 2003 đến năm 2005 Công ty đạt tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân mỗi năm khoảng 8%. Đây là một tốc độ tăng trưởng tương đối và ổn định qua các năm; có được tốc độ tăng trưởng như vậy là kết quả từ việc khai thác hiệu quả những dây chuyền sản xuất hiện đại và chiến lược gìn giữ mối quan hệ với khách hàng cũng như các dịch vụ hậu mãi và hỗ trợ khách hàng rất tận tình của Công ty.

➢ **Lợi nhuận**

- Do việc chủ động được nguồn nguyên vật liệu đầu vào thông qua việc tăng dự trữ lượng hàng tồn kho trong những thời điểm thích hợp và tận dụng tốt công suất của máy móc thiết bị hiện đại cùng với dây chuyền sản xuất khép kín Công ty đã giảm thiểu được tỷ lệ giá vốn hàng bán/doanh thu so với năm 2004. Ngoài ra, Công ty cũng đã kiểm soát tốt chi phí quản lý và chi phí bán hàng nên giữ cho chi phí quản lý và chi phí bán hàng tăng trưởng ở mức phù hợp với mức độ tăng trưởng doanh thu.
- Với việc ổn định được tốc độ tăng trưởng về doanh thu và kiểm soát được chi phí, lợi nhuận trước thuế năm 2005 đã tăng 12,29% so với năm 2004.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu trong năm 2005 có sự tăng trưởng mạnh so với năm 2004 là do sự tác động của các nhân tố sau:

a) Những nhân tố thuận lợi:

- Tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam: Tỷ lệ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2004 đạt 7,7%, năm 2005 đạt 8,4%, đứng hàng thứ 2 trên thế giới. Sự tăng trưởng mạnh về kinh tế là hệ quả tất yếu từ sự phát triển của tất cả các ngành nghề trong nền kinh tế. Với đặc điểm là sản phẩm của Mỹ Châu là nguyên liệu đầu vào của rất nhiều ngành nghề sản xuất khác như: ngành sản xuất thực phẩm, ngành sản xuất hàng công nghiệp,... nên sự tăng trưởng của nền kinh tế là điều kiện hết sức thuận lợi cho hoạt động của ngành in tráng và bao bì kim loại nói chung và hoạt động của Mỹ Châu nói riêng.
- Kinh nghiệm và thương hiệu của Mỹ Châu: Mặc dù Công ty mới chính thức đi vào hoạt động ở lĩnh vực in tráng và bao bì kim loại kể từ năm 1999 nhưng Mỹ Châu đã đúc kết được rất nhiều kinh nghiệm trong quá trình sản xuất, nghiên cứu và ứng dụng nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quy trình sản xuất của Công ty. Sản phẩm của Công ty ngày càng cải tiến, nâng cao về chất lượng, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của thị trường và từng bước tạo dựng được thương hiệu "Mỹ Châu" ngày càng vững mạnh.
- Đội ngũ cán bộ công nhân viên: Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu có được một nguồn nội lực vững mạnh đó là đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn cao luôn đồng tâm, hiệp lực, phấn đấu hết sức mình vì sự tồn tại và phát triển của Công ty.
- Trang thiết bị hiện đại: Máy móc thiết bị hiện đại là một yếu tố quan trọng góp phần làm nên sự thành công của Mỹ Châu. Với công nghệ sản xuất hiện đại, Công ty luôn yên tâm về chất lượng cũng như số lượng sản phẩm, đảm bảo phục vụ tốt nhất nhu cầu của thị trường và cung ứng kịp thời các đơn đặt hàng với số lượng lớn.
- Nguồn lực tài chính: Được sự cung cấp tín dụng nhanh chóng, kịp thời của các ngân hàng, Công ty có thể chủ động trong việc dự trữ nguyên vật liệu, đề phòng biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào, đầu tư trang thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu sản xuất sản phẩm với chất lượng cao để thoả mãn được nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

b) Những nhân tố khó khăn:

- Giá nguyên vật liệu tăng: Do nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng rất lớn trong giá thành sản phẩm (khoảng 75%-80%) và phần lớn nguyên vật liệu sản xuất của Công ty được nhập khẩu nên việc giá cả thép nguyên vật liệu, hoá chất nhập khẩu biến động mạnh cũng đã

gây ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động của Công ty do giá bán sản phẩm chưa thể điều chỉnh tăng tương ứng.

- Phí vận chuyển tăng: Giá xăng dầu trên thế giới liên tục tăng, giá trong nước cũng được Nhà nước điều chỉnh tăng. Sự tăng giá của mặt hàng thiết yếu này đã làm tăng chi phí vận chuyển. Mặc dù sản phẩm bao bì kim loại nhẹ nhưng rất cồng kềnh nên việc vận chuyển rất tốn kém.
- Chính sách thuế: Thuế nhập khẩu được điều chỉnh từ 0% lên 7% đối với chủng loại thép lá mạ crom và từ 3% lên 7% đối với chủng loại thép lá tráng thiếc trong khi mức thuế suất nhập khẩu dành cho bao bì kim loại chỉ có 5%. Việc điều chỉnh mức thuế nhập khẩu của thép làm tăng chi phí trong sản xuất, gây bất lợi cho các nhà các nhà sản xuất nội địa trong việc cạnh tranh với hàng nhập khẩu.
- Chi phí lãi vay: Mặc dù chủ động được nguồn tài trợ khi cần thiết nhưng việc lệ thuộc quá nhiều vào vốn vay ngân hàng đã làm tăng chi phí làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

a) Thị trường tiêu thụ sản phẩm in tráng và bao bì kim loại của Công ty:

Sản phẩm chính của Mỹ Châu là sản phẩm in tráng trên kim loại và các loại lon hàn điện, lon sơn, hộp bánh, nắp chai các loại đang được thị trường tiêu thụ với khối lượng ngày càng gia tăng. Sản phẩm in tráng trên kim loại của Công ty là sản phẩm đầu vào của các đơn vị sản xuất bao bì kim loại khác và của chính Công ty nên việc ngành sản xuất bao bì kim loại phát triển cũng kéo theo ngành in tráng trên kim loại phát triển. Bao bì kim loại với những đặc tính nổi bật như: tồn trữ, bảo quản lâu, chịu được va đập trong quá trình vận chuyển, được thanh trùng ở nhiệt độ cao, đáp ứng được các chỉ tiêu vi sinh, tự tiêu huỷ nhanh nên không đe doạ đến môi trường,... đã làm cho bao bì kim loại trở thành một sản phẩm không thể thay thế được và dần thay thế các loại bao bì làm bằng chất liệu khác. Với đặc tính này sản phẩm bao bì kim loại nói chung và bao bì kim loại của Mỹ Châu nói riêng đã trở thành sản phẩm đầu vào không thể thiếu của các ngành sản xuất thực phẩm đóng hộp như: cá, thịt, nước quả các loại, sữa bột đóng hộp, hộp đựng bánh kẹo,... và là bao bì đựng sơn, keo, dầu nhớt,...

Theo nghiên cứu thị trường của Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu, thị phần của Mỹ Châu hiện nay là ở vào khoảng 25% thị trường in tráng và bao bì kim loại cả nước. Mặc dù mới được thành lập từ năm 1999 nhưng Mỹ Châu đã thực sự trở thành một tên tuổi lớn, có uy tín trong ngành in tráng và bao bì kim loại. Với tên tuổi đã được khẳng định, chất

lượng sản phẩm cao, máy móc thiết bị hiện đại luôn đáp ứng nhu cầu khách hàng về số lượng lẫn chất lượng, Mỹ Châu đã chiếm được vị trí hàng đầu trên thị trường in tráng và bao bì kim loại trong cả nước, đặc biệt là thị trường Nam Bộ. Ngoài ra, sản phẩm của Mỹ Châu còn được xuất khẩu sang các nước như: Úc, Hàn Quốc và Mỹ Châu đã trở thành đối tác cung cấp bao bì cho các tập đoàn lớn như: Kinh đô, CocaCola, Pepsi, Tiger, Heineken,... Trong tương lai, Mỹ Châu sẽ đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm thay thế dần hàng nhập khẩu và đẩy mạnh xuất khẩu sang các nước trong khu vực và trên thế giới.

Hiện nay, trên thị trường in tráng và bao bì kim loại có rất nhiều doanh nghiệp với quy mô vừa và nhỏ nhưng chỉ có khoảng 5 doanh nghiệp có khả năng cạnh tranh với Mỹ Châu. Xét về năng lực sản xuất, Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu hiện đang là một trong số các doanh nghiệp hàng đầu. Các Công ty có quy mô sản xuất lớn khác là: Công ty Bao bì Quang Huy, Công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài MPPL, Công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài KIAN JOO, Công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài CHUAN LIH, Công ty Liên doanh TOVECAN.

Có thể thấy được vị thế của Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu so với các doanh nghiệp khác trong ngành thông qua số liệu thống kê về thị phần:

STT	CÔNG TY	THỊ PHẦN (%)
1	Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	25%
2	Công ty Bao bì Quang Huy	9%
3	Công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài KIAN JOO	7%
4	Công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài MPPL	6%
5	Công ty liên doanh TOVECAN	6%
6	Công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài CHUAN LIH	5%
7	Các nhà sản xuất nhỏ	9%
8	Nhập khẩu từ nước ngoài	33%

Nguồn: Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu

Qua đó, cho thấy Mỹ Châu đã chiếm được vị trí hàng đầu đối với thị trường in tráng và bao bì kim loại Việt Nam. Năng lực sản xuất cũng như thị phần tiêu thụ của các đối thủ cạnh tranh trong cùng lĩnh vực với Mỹ Châu vẫn còn thấp hơn Mỹ Châu rất nhiều, Mỹ Châu chỉ có một trở ngại duy nhất đó là thị phần của hàng nhập khẩu vẫn còn ở mức cao.

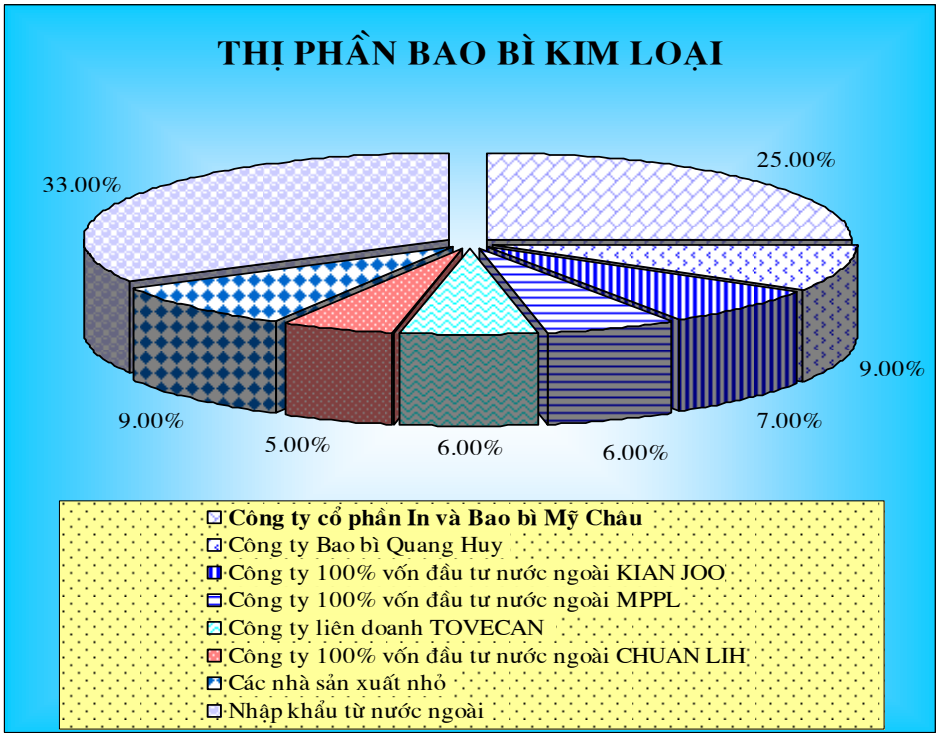

Nguồn: Nghiên cứu của Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu

b) Những lợi thế cạnh tranh nổi bật của Mỹ Châu so với các doanh nghiệp khác trong ngành:

- Sản phẩm của Mỹ Châu có chất lượng cao với màu sắc đẹp, chênh lệch màu giữa các lần in nhỏ, tỷ lệ phế phẩm rất thấp, sản xuất sản phẩm đáp ứng nhu cầu khách hàng, giá cả phù hợp với chất lượng sản phẩm, nên Mỹ Châu đã trở thành đối tác không thể thay thế của rất nhiều khách hàng lớn trong và ngoài nước.
- Công ty rất chú trọng vào kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm trong sản xuất, đây cũng chính là một lợi thế cạnh tranh lớn của Mỹ Châu, ngay cả với những đối thủ lớn trong cùng ngành có máy móc hiện đại tương đương với Công ty.
- Mỹ Châu hiện đang sở hữu một hệ thống những dây chuyền sản xuất hiện đại và một quy trình sản xuất khép kín đã giúp Mỹ Châu giảm thiểu được chi phí sản xuất, gia tăng khả năng cạnh tranh với đơn vị cùng ngành.
- Công nghệ sản xuất của Mỹ Châu vượt trội so với các doanh nghiệp cùng ngành, chất lượng sản phẩm thuộc loại tốt nhất hiện có trên thị trường theo các tiêu chuẩn ISO 9001: 2000.
- Mỹ Châu luôn thay đổi kiểu dáng, mẫu mã một cách linh hoạt và kịp thời để đáp ứng tốt nhất nhu cầu và thị hiếu của khách hàng.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Theo mục tiêu tổng quát của chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm (2001-2010), một số chỉ tiêu cụ thể được thể hiện như sau:

CHỈ TIÊU	2001 - 2005	2006 – 2010
Tăng trưởng bình quân GDP cả nước (%)	7,6 - 8,0	6,6 -7,0
Tăng trưởng bình quân GDP của vùng Đông Nam Bộ (%)	8,0	
Tăng trưởng bình quân Công nghiệp của vùng Đông Nam Bộ (%)	9,4	

Nguồn: Bộ kế hoạch đầu tư

Theo nhận định của chuyên gia, sự tăng trưởng phát triển của ngành công nghiệp nói chung và ngành in tráng và bao bì kim loại nói riêng gắn liền với sự tăng tưởng của nền kinh tế. Nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển, tốc độ tăng trưởng hàng năm của ngành công nghiệp đạt bình quân từ 15,2%-15,5% và dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định trong thời gian tới. Trong bối cảnh tăng trưởng mạnh của ngành công nghiệp và đặc biệt là của ngành công nghiệp chế biến thực phẩm đóng hộp, ngành hoá chất và các ngành công nghiệp chế biến sử dụng bao bì kim loại đã kéo theo sự tăng trưởng mạnh của ngành sản xuất bao bì kim loại. Ngày nay bao bì kim loại đã dần thay thế được những loại bao bì được làm các chất liệu khác với những đặc tính ưu việt của nó. Là một doanh nghiệp hoạt động mạnh trong ngành in tráng và bao bì kim loại, Mỹ Châu cũng đang đứng trước những cơ hội lớn để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Đến thời điểm hiện nay, thị trường bao bì kim loại trong nước vẫn còn rất nhiều tiềm năng nhưng chưa được khai thác hết và còn lệ thuộc nhiều vào hàng nhập khẩu (chiếm 33%). Ngoài ra, sản phẩm bao bì kim loại của Việt Nam có chất lượng tốt, đáp ứng được những yêu cầu về chất lượng mà khách hàng nước ngoài đặt ra nên khả năng xuất khẩu sản phẩm bao bì kim loại ra thị trường các nước khu vực và thế giới trong tương lai là rất lớn.

Số liệu về tăng trưởng sản lượng của ngành bao bì kim loại đến năm 2007:

Đơn vị tính: Triệu lon.

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2004	NĂM 2005	DỰ KIẾN NĂM 2006	DỰ KIẾN NĂM 2007
1	Sản lượng bao bì kim loại	1.000	1050	1.103	1.160
2	Tốc độ tăng trưởng (%)	5,82%	5,00%	5,05%	5,17%

Nguồn: Kế hoạch dự kiến năm 2004 của Bộ Công nghiệp

Theo dự báo kế hoạch sản lượng ngành sản xuất bao bì kim loại đến năm 2007 của Bộ Công nghiệp, ngành sản xuất bao bì kim loại của Việt Nam sẽ có được sự tăng trưởng ổn định và lâu dài. Trong những năm qua, tốc độ tăng trưởng của ngành giữ vững ở mức

5%/năm và dự kiến sẽ giữ vững tốc độ tăng trưởng này và nâng dần mức độ tăng trưởng qua các năm.

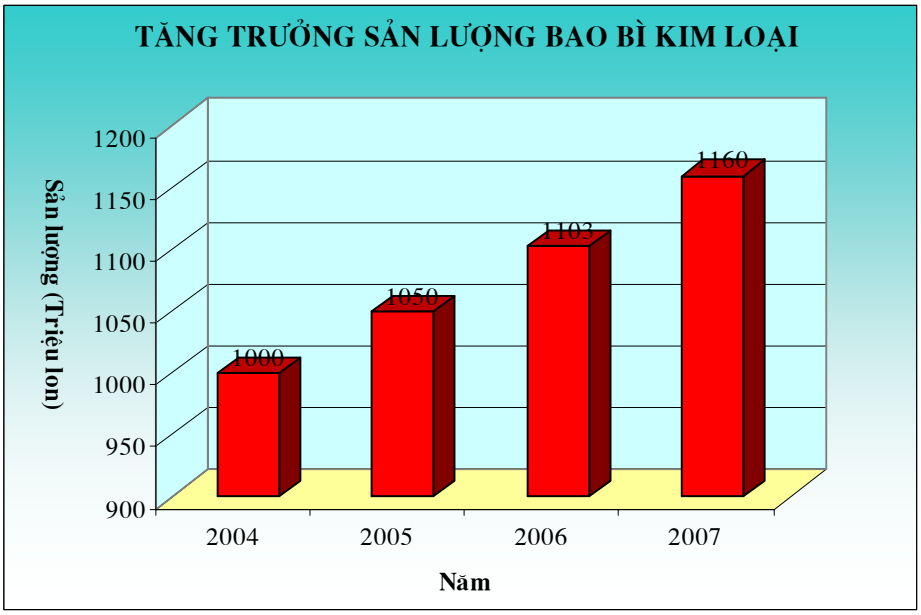

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 30/06/2006 là 295 người, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
I. PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG	**295**	**100,00%**
Trên đại học	02	0,68%
Đại học, cao đẳng	50	16,95%
Trung cấp, công nhân kỹ thuật	70	23,73%
Phổ thông trung học	173	58,64%
II. PHÂN THEO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG	**295**	**100,00%**
Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	183	62,03%
Hợp đồng lao động ngắn hạn từ 1 - 3 năm	99	33,56%
Hợp đồng lao động dưới 1 năm	13	4,41%

10.2. Chính sách đối với người lao động

a) Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h, thời gian làm việc của các xưởng trực tiếp sản xuất được chia thành 3 ca. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ và Tết 8 ngày theo quy định của Bộ Luật Lao động. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên lại được cộng thêm 01 ngày phép.
- Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 - 05 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định do Bảo hiểm xã hội chi trả, còn được hưởng thêm 50% lương theo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

b) Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- Tuyển dụng: Công ty có hệ thống quy chế về tuyển dụng đào tạo rõ ràng. Công ty tuyển dụng thông qua các nguồn lao động từ các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp trên địa bàn Tp.HCM. Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.
- Chính sách thu hút nhân tài: Công ty có chính sách lương, thưởng xứng đáng với cống hiến chất xám, đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và có nhiều kinh nghiệm trong các

lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút lao động có năng lực từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

- Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và ISO 9001:2000. Công ty cũng tổ chức đào tạo nghề nghiệp và các kỹ năng cho người lao động thông qua các hình thức đào tạo kèm cặp, truyền đạt kinh nghiệm trong quá trình làm việc, gửi đào tạo bên ngoài. Đối với nhân viên mới tuyển dụng, Công ty sẽ tiến hành đào tạo nghiệp vụ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động sớm thích nghi và nắm bắt được công việc mới. Ngoài ra, căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, Công ty định ra kế hoạch đào tạo thích hợp, dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện,...

c) Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, hệ số lương được xác lập dựa trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, khuyến khích cán bộ công nhân viên của Công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả làm việc, đóng góp cho Công ty, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong thực hiện công việc đạt được hiệu quả cao, có sáng kiến trong cải tiến phương pháp làm việc,... Ngoài ra, Công ty còn có chế độ lương thưởng vào cuối năm, tuỳ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm mà số lương thưởng sẽ tăng giảm tương ứng.
- Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật. Công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật lao động và tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, Công ty còn mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CBCNV.
- Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên: Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi để Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động, tạo điều kiện cho công nhân viên Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khoẻ. Ngoài ra, hàng năm cán bộ công nhân viên Công ty còn được tổ chức đi nghỉ mát vào các dịp lễ.
- Chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên: Nhằm tạo sự gắn bó lâu dài

của cán bộ công nhân viên với Công ty và tạo động lực khuyến khích cán bộ công nhân viên làm việc, Công ty đã thực hiện chính sách hỗ trợ cán bộ công nhân viên của Công ty mua cổ phần với giá ưu đãi khi Công ty chuyển sang Công ty cổ phần.

11. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của những năm tiếp theo.

12. Tình hình hoạt động tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

a) Trích khấu hao tài sản cố định

- Từ năm 2003 trở về trước, Công ty áp dụng trích khấu hao theo Quyết định số 166/1999/QĐ-BTC ngày 30/12/1999 của Bộ Tài chính. Kể từ năm 2004, tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian sử dụng ước tính, phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.
- Thời gian khấu hao áp dụng tại Công ty:

- Nhà xưởng, vật kiến trúc: 25-50 năm
- Máy móc, thiết bị: 05-10 năm
- Phương tiện vận chuyển, truyền dẫn: 05-10 năm
- Thiết bị văn phòng: 03-05 năm

b) Mức lương bình quân

Thu nhập của người lao động trong Công ty là lương và thưởng. Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2004 là 2.200.000 đồng/người, năm 2005 là

2.500.000 đồng/người. Đây là mức thu nhập bình quân khá so mặt bằng lương chung cũng như so với các doanh nghiệp khác trong ngành.

c) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2004-2005, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ phải trả quá hạn.

d) Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế nhập khẩu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước.

e) Trích lập các quỹ

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành.

Số dư các quỹ của năm 2004, 2005 và 30/06/2006 như sau:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2004	Năm 2005	30/06/2006
Quỹ dự phòng tài chính	1.221.887.641	1.456.593.617	1.709.663.571
Quỹ đầu tư phát triển	13.151.823.890	14.603.449.479	16.121.869.202
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	15.443.692	15.443.692	15.443.692
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	6.698.038	209.153.168	841.080.368
Tổng cộng	**14.395.853.261**	**16.284.639.956**	**18.688.056.833**

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2004, 2005 và Quyết toán 30/06/2006

f) Tổng dư nợ vay ngân hàng

Tại thời điểm 30/06/2006, tình hình nợ vay của Công ty như sau:

- Vay ngắn hạn: 6.167.046.174 đồng.
- Vay dài hạn: 20.112.717.768 đồng.

g) Tình hình công nợ hiện nay

- Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2004	Năm 2005	30/06/2006

	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Phải thu của khách hàng	23.807.493.638	-	18.874.068.699	-	14.499.865.267	-
Trả trước cho người bán	744.382.569	-	-	-	-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	-	-	-
Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-	-
Phải thu khác	11.109.026	-	77.481.508	-	284.770.525	-
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	**24.562.985.233**	**-**	**18.951.550.207**	**-**	**14.784.635.792**	**-**

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2004, 2005 và Quyết toán 30/06/2006

- Các khoản phải trả:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2004		Năm 2005		30/06/2006	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Nợ ngắn hạn	**49.902.959.526**	**-**	**44.238.699.161**	**-**	**20.938.755.344**	**-**
Vay và nợ ngắn hạn	32.148.820.792	-	33.453.279.617	-	6.167.046.174	-
Phải trả cho người bán	3.768.227.032	-	3.276.425.117	-	5.100.607.815	-
Người mua trả tiền trước	40.000.000	-	43.399.300	-	30.856.842	-
Các khoản thuế phải nộp	1.706.106.267	-	817.491.221	-	788.432.086	-
Phải trả cho CNV	1.928.454.073	-	2.175.379.873	-	830.262.052	-
Chi phí phải trả	15.443.692	-	15.443.692	-	15.443.692	-
Phải trả cho các đơn vị nội bộ	-	-	-	-	-	-
Phải trả, phải nộp khác	10.295.907.670	-	4.457.280.341	-	8.006.106.683	-
Nợ dài hạn	**21.081.841.450**	**-**	**15.924.672.978**	**-**	**20.112.717.768**	**-**
Tổng	**70.984.800.976**	**-**	**60.163.372.139**	**-**	**41.051.473.112**	**-**

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2004, 2005 và Quyết toán 30/06/2006

h) Giải trình chênh lệch cuối kỳ 2004 và đầu kỳ 2005, cuối kỳ 2005 và đầu kỳ 2006:

❖ **<u>Chênh lệch cuối kỳ 2004 và đầu kỳ 2005</u>:**

Năm 2005 Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 và được Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 23/2005/TT-BTC ngày 30/03/2005 nên số liệu đầu năm 2005 so với cuối năm 2004 có những thay đổi cụ thể như sau:

- **Về các khoản phải thu:**

✓ Các khoản phải thu theo số liệu kiểm toán cuối năm 2004 là 24.562.985.233 đồng.

✓ Các khoản phải thu theo số liệu kiểm toán đầu năm 2005 là 25.470.614.816 đồng. Tăng 907.629.583 đồng so với số liệu kiểm toán cuối năm 2004 là do:

- Các khoản phải thu khác tăng từ 11.109.026 đồng cuối năm 2004 lên 918.738.609 đồng đầu năm 2005 do chuyển tài khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn trong khoản mục tài sản lưu động khác sang tài khoản các khoản phải thu khác là: 907.629.583 đồng.

- **Về tài sản lưu động khác:**

✓ Tài sản lưu động khác theo số liệu kiểm toán cuối năm 2004 là 927.585.686 đồng.

✓ Tài sản lưu động khác theo số liệu kiểm toán đầu năm 2005 là 19.956.103 đồng. Giảm 907.629.583 đồng so với số liệu kiểm toán cuối năm 2004 là do:

- Chuyển tài khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn trong khoản mục tài sản lưu động khác sang tài khoản các khoản phải thu khác là: 907.629.583 đồng.

- **Về nợ ngắn hạn:**

✓ Nợ ngắn hạn theo số liệu kiểm toán cuối năm 2004 là 49.887.515.834 đồng.

✓ Nợ ngắn hạn theo số liệu kiểm toán đầu năm 2005 là 49.902.959.526 đồng. Tăng 15.443.692 đồng so với số liệu kiểm toán cuối năm 2004 là do chuyển tài khoản chi phí phải trả từ khoản mục nợ khác sang khoản mục nợ ngắn hạn là: 15.443.692 đồng.

❖ **<u>Chênh lệch cuối kỳ 2005 và đầu kỳ 2006</u>:**

Theo báo cáo kiểm toán năm 2005 và Quyết toán Quý II năm 2006, số liệu đầu năm 2006 so với cuối năm 2005 có những thay đổi cụ thể như sau:

- **Về các khoản phải thu ngắn hạn:**

✓ Các khoản phải thu ngắn hạn theo số liệu kiểm toán cuối năm 2005 là 18.951.550.207 đồng.

✓ Các khoản phải thu ngắn hạn theo số liệu quyết toán đầu năm 2006 là 18.906.550.207 đồng, giảm 45.000.000 đồng so với số liệu kiểm toán cuối năm 2005 là do:

- Các khoản phải thu khác giảm từ 77.481.508 đồng cuối năm 2005 xuống còn 32.481.508 đồng đầu năm 2006 do chuyển 45.000.000 đồng từ tài khoản các khoản phải thu khác sang tài khoản tài sản ngắn hạn khác.

- **Về tài sản ngắn hạn khác:**

✓ Tài sản ngắn hạn khác theo số liệu kiểm toán cuối năm 2005 là 1.316.062 đồng.

✓ Tài sản ngắn hạn theo số liệu quyết toán đầu năm 2006 là 46.316.062 đồng, tăng 45.000.000 đồng so với số liệu kiểm toán cuối năm 2005 là do chuyển 45.000.000 đồng từ tài khoản các khoản phải thu khác sang tài khoản tài sản ngắn hạn khác.

- **Về nợ ngắn hạn:**

✓ Nợ ngắn hạn theo số liệu kiểm toán cuối năm 2005 là 44.238.699.161 đồng.

✓ Nợ ngắn hạn theo số liệu quyết toán đầu năm 2006 là 35.247.180.997 đồng, giảm 8.991.518.164 đồng so với số liệu kiểm toán cuối năm 2005 là do Công ty chuyển 8.991.518.164 đồng từ tài khoản vay và nợ ngắn hạn sang tài khoản vay và nợ dài hạn theo kết quả làm việc của đơn vị kiểm toán.

- **Về nợ dài hạn:**

✓ Nợ dài hạn theo số liệu kiểm toán cuối năm 2005 là 15.924.672.978 đồng.

✓ Nợ dài hạn theo số liệu quyết toán đầu năm 2006 là 24.916.191.142 đồng, tăng 8.991.518.164 đồng so với số liệu kiểm toán cuối năm 2005 là do Công ty chuyển 8.991.518.164 đồng từ tài khoản vay và nợ ngắn hạn sang tài khoản vay và nợ dài hạn.

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	Năm 2004	Năm 2005
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
– Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1.32	1.44
– Hệ số thanh toán nhanh	0.52	0.44
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
– Hệ số nợ/Tổng tài sản	0.66	0.61
– Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1.97	1.57
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		

CHỈ TIÊU	Năm 2004	Năm 2005
– Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/tổng TS)	1.31	1.50
– Vòng quay tài sản cố định (Doanh thu thuần/TSCĐ)	3.42	4.22
– Vòng quay vốn lưu động (Doanh thu thuần/TSLĐ)	2.12	2.33
– Vòng quay các khoản phải thu (DT thuần/Phải thu bình quân)	6.95	6.80
– Vòng quay các khoản phải trả (DT thuần/Phải trả bình quân)	2.15	2.26
– Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho bình quân)	3.72	3.16
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
– Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	3.35%	3.45%
– Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	13.01%	13.36%
– Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	4.38%	5.18%
– Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần (%)	3.44%	3.76%
5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần		
– Thu nhập trên mỗi cổ phần (đồng/cổ phần)	2,761	2,999
– Giá trị sổ sách của cổ phần (đồng/cổ phần)	21,216	22,447

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát

13.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

a) Chủ tịch HĐQT - Ông Nguyễn Văn Thành

- Họ và tên: Nguyễn Văn Thành
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 17/12/1950
- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Nghĩa Lợi, Nghĩa Hưng, Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Số 08 Ngõ 34, Phố Hoàng Cầm, Đống Đa, Hà Nội
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-4) 852 4503
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
  + Từ 1975 - 1996: Công tác tại Công ty TPXK Đồng Giao - Ninh Bình với các chức vụ: Trưởng phòng, Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty.
  + Từ 1996 - 2003: Công tác tại Tổng Công ty Rau quả Việt Nam với các chức vụ: Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc Tổng Công ty.
  + Từ 2003 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Rau quả Nông sản.
- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Rau quả Nông sản.
- Số cổ phần đại diện sở hữu (vốn NN): 482.800 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

b) Phó Chủ tịch HĐQT - Ông Trịnh Hữu Minh

- Họ và tên: Trịnh Hữu Minh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 18/07/1951
- Nơi sinh: Vĩnh Long
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đồng Tháp
- Địa chỉ thường trú: 804 Hồng Bàng, Phường 1, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 858 6240

- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:
  + Từ 1982 - 1995: Trưởng phòng Nghiệp vụ Nhà máy TPXK Mỹ Châu
  + Từ 1996 - 1997: Phó Giám đốc Nhà máy TPXK Mỹ Châu
  + Từ 1998 - 1999: Giám đốc Nhà máy TPXK Mỹ Châu
  + Từ 1999 - nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu
- Số cổ phần nắm giữ: 486.700 cổ phần

Trong đó: + Số cổ phần sở hữu : 3.900 cổ phần.

+ Số cổ phần đại diện sở hữu (Vốn NN) : 482.800 cổ phần.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

c) Thành viên HĐQT - Ông Cù Văn Lập

- Họ và tên: Cù Văn Lập
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/05/1961
- Nơi sinh: Long An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bến Lức, Long An
- Địa chỉ thường trú: 36/27/12 Luỹ Bán Bích, Phường Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 961 2728
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản Trị Kinh doanh
- Quá trình công tác :

+ Từ 1983 - 1991: Nhân viên Phòng Kỹ Thuật Nhà máy TPXK Mỹ Châu

+ Từ 1991 - 1992: Nghiên cứu viên Viện Nghiên cứu bao bì tại Ấn Độ

+ Từ 1992 - 1996: Trưởng Phòng Thí nghiệm Nhà máy TPXK Mỹ Châu

+ Từ 1996 - 1999: Trưởng phòng Marketing Nhà máy TPXK Mỹ Châu

+ Từ 1999 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc Kinh doanh Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu.

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Kinh doanh Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu.
- Số cổ phần nắm giữ: 42.320 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

d) Thành viên HĐQT - Ông Nguyễn Quí

- Họ và tên: Nguyễn Quí
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 27/02/1955
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Điện Bàn, Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú: 528/3 Phạm Văn Chí, P.I181, Q.6, Tp. Hồ Chí Minh
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 858 6239
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hoá
- Quá trình công tác:

+ Từ 1982 - 1989: Nhân viên Phòng Kỹ thuật Nhà máy TPXK Mỹ Châu.

+ Từ 1989 - 1990: Nghiên cứu viên Viện Nghiên cứu bao bì tại Tây Ban Nha.

+ Từ 1990 - 1997: Quản đốc Phân xưởng tráng verni Nhà máy TPXK Mỹ Châu.

+ Từ 1997 - 1999: Phó Giám đốc Nhà máy TPXK Mỹ Châu.

+ Từ 1999 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu.

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu.
- Số cổ phần nắm giữ: 50.850 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

13.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

a) Trưởng Ban Kiểm soát - Ông Trần Giang Sơn

- Họ và tên: Trần Giang Sơn
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 08/03/1956
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú: 111/29A2 Lạc Long Quân, P.3, Q.11, Tp. Hồ Chí Minh
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 961 2844
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Hành chánh
- Quá trình công tác:

+ Từ 1980-1996: Cán bộ Đoàn Thanh niên, Cán bộ Công đoàn Nhà máy TPXK Mỹ Châu.

+ Từ 1997-1999: Trưởng phòng Tổng hợp Nhà máy TPXK Mỹ Châu.

+ Từ 1999-2001: Phó phòng Tổng hợp Hành chánh Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu.

+ Từ 2002 - nay: Trưởng Ban kiểm soát, Trưởng phòng Tổ chức Hành chánh Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu.

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát, Trưởng Phòng Tổ chức Hành chánh Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu.
- Số cổ phần nắm giữ: 6.230 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

b) Thành viên Ban kiểm soát - Ông Trần Thanh Tùng

- Họ và tên: Trần Thanh Tùng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 10/01/1963
- Nơi sinh: Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hoài Ân, Bình Định
- Địa chỉ thường trú: 36/27/03 Luỹ Bán Bích, Phường Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 961 2844
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
  - + Từ 1983 - 1994: Nhân viên Phòng Nguyên liệu Nhà máy TPXK Mỹ Châu.
  - + Từ 1995 - 1998: Nhân viên Phòng Kế hoạch Nhà máy TPXK Mỹ Châu.
  - + Từ 1998 - 1999: Phó Phòng Tổng hợp Nhà máy TPXK Mỹ Châu.
  - + Từ 1999 - 2001: Phó Phòng Tổng hợp Hành chánh Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu.
  - + Từ 2002 - nay: Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Phòng Kế hoạch Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu.

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên BKS, Trưởng Phòng Kế hoạch Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu.
- Số cổ phần nắm giữ: 6.610 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

13.3. Danh sách thành viên Ban Giám đốc

a) Giám đốc - Ông Trịnh Hữu Minh

- Lý lịch trình bày tại phần b của Hội đồng quản trị.

b) Phó Giám đốc Kinh doanh - Ông Cù Văn Lập

- Lý lịch trình bày tại phần c của Hội đồng quản trị.

c) Phó Giám đốc Kỹ thuật sản xuất - Ông Nguyễn Quí

- Lý lịch trình bày tại phần d của Hội đồng quản trị.

14. Tài sản

a) Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2005

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**94.946.373.995**	**(59.890.291.237)**	**35.056.082.758**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	8.435.399.841	(7.609.146.736)	826.253.105
2	Máy móc thiết bị	83.727.326.359	(50.433.091.214)	33.294.235.145
3	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	2.059.550.170	(1.154.435.710)	905.114.460
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	456.665.882	(426.185.834)	30.480.048
5	Tài sản cố định khác	267.431.743	(267.431.743)	-
II	**Tài sản cố định vô hình**	**-**	**-**	**-**
III	**Tài sản cố định thuê tài chính**	**-**	**-**	**-**
	Cộng	**94.946.373.995**	**(59.890.291.237)**	**35.056.082.758**

b) Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng

Hiện nay văn phòng và nhà xưởng của Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu tọa lạc trên khu đất có tổng diện tích 32.664m^2 tại số 18 đường Luỹ Bán Bích, Phường Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Khu đất này Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu đang quản lý dưới hình thức thuê đất của Nhà nước khi chuyển sang Công ty cổ phần với thời hạn 50 năm.

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2006 - 2008

15.1. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ

a) Điểm mạnh

- Thương hiệu In và Bao bì Mỹ Châu đã được nhiều khách hàng biết đến với sản phẩm đạt chất lượng cao đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng trong nước và quốc tế.
- Máy móc thiết bị hiện đại, đồng bộ, dây chuyền sản xuất khép kín đảm bảo cho Công ty sản xuất ra sản phẩm có chất lượng cao và ổn định, giảm tỷ lệ phế liệu và hao hụt trong quá trình sản xuất.
- Dây chuyền sản xuất của Công ty hiện nay là khá hiện đại và luôn được cập nhật những công nghệ tiên tiến nhất trên thế giới đảm bảo cho Công ty có thể tăng sản lượng trong tương lai.
- Thuận lợi trong việc tài trợ, cấp tín dụng của ngân hàng, Công ty đã chủ động hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, dự trữ nguyên vật liệu, đầu tư máy móc, trang thiết bị hiện đại.
- Mặt bằng sản xuất rộng đảm bảo cho Công ty tăng lượng hàng dự trữ khi tình hình thị trường biến động cũng như đầu tư máy móc thiết bị phục vụ cho việc mở rộng quy mô, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, nhân viên nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực in tráng và sản xuất bao bì kim loại và gắn bó lâu dài với Công ty.

b) Điểm yếu

- Việc bố trí các phân xưởng sản xuất vẫn chưa thật sự hợp lý, chưa theo đúng quy trình sản xuất khép kín làm gia tăng chi phí vận chuyển cũng như thời gian vận chuyển nguyên vật liệu giữa các phân xưởng.
- Dây chuyền in màu của Công ty đã hoạt động hết công suất nhưng tiềm năng thị trường vẫn còn rất lớn nên Công ty cần phải đầu tư thêm dây chuyền in nếu như muốn mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, hợp tác với các khách hàng tiềm năng và từng bước chiếm lĩnh thị trường.

- Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm và phần lớn nguyên vật liệu của Công ty được nhập khẩu từ nước ngoài nên việc biến động giá cả các nguyên vật liệu trên thị trường thế giới sẽ làm ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Do quy mô vốn nhỏ nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào nguồn vốn vay. Mặc dù chủ động được nguồn vốn vay ngân hàng là một lợi điểm nhưng việc sử dụng quá nhiều vốn vay đã đặt Công ty vào tình thế phải gánh chịu áp lực chi trả lãi vay rất lớn.
- Công ty vẫn chưa khai thác hết tiềm năng thị trường trong nước, chưa phục vụ được hết các khách hàng tiềm năng và việc xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài vẫn chưa thật sự được đẩy mạnh.

c) Cơ hội

- Nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn tăng trưởng mạnh nên tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển ngành công nghiệp, trong đó có ngành in tráng và bao bì kim loại vốn là nguồn cung ứng nguyên liệu đầu vào không thể thiếu của các ngành công nghiệp chế biến khác.
- Thị trường trong nước vẫn còn tiềm năng rất lớn và còn chịu ảnh hưởng nhiều của hàng nhập khẩu nên Công ty đang đứng trước những điều kiện hết sức thuận lợi để đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của mình thay thế dần hàng nhập khẩu. Bên cạnh đó, thị trường nước ngoài luôn là một thị trường rộng lớn mà doanh nghiệp nội địa luôn hướng đến.
- Với công nghệ và trình độ kỹ thuật như hiện nay, Công ty có đủ khả năng để sản xuất ra những sản phẩm có chất lượng cao đáp ứng tốt nhất nhu cầu của thị trường trong nước và nước ngoài cũng như những thay đổi trong nhu cầu của khách hàng tại từng thời điểm.
- Nhà xưởng, đất đai mà Công ty hiện đang quản lý tại số 18 Luỹ Bán Bích, Phường Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh khá rộng với tổng diện tích đất là 32.664m^2. Với diện tích này Công ty hoàn toàn có đủ không gian để mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc dùng một phần diện tích để phát triển hoạt động trong lĩnh vực cho thuê kho, bãi,...

d) Nguy cơ

- Do biến động chung của thị trường thế giới nên giá thép nguyên liệu và các loại hoá chất phục vụ cho sản xuất của Công ty có xu hướng tăng nhanh trong những năm gần đây và dự báo sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới. Do đó, Công ty cần có chính sách dự

trữ, tồn kho hợp lý để đối phó với tình hình này, đảm bảo ổn định được hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như khả năng chi trả cổ tức.

- Trong trường hợp giá của nguyên liệu tăng mạnh trong ngắn hạn do biến động của thị trường thế giới, trong khi giá bán sản phẩm không thể tăng tương ứng sẽ làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Sự tham gia vào thị trường bao bì kim loại ngày càng nhiều của các doanh nghiệp trong và ngoài nước sẽ chia sẻ dần thị phần của Mỹ Châu.

15.2. Kế hoạch chiến lược thực hiện trong 03 năm

a) Sản xuất

- Tiếp tục duy trì và phát huy việc đảm bảo nghiêm ngặt các tiêu chuẩn về chất lượng trong quy trình sản xuất.
- Thực hiện dự trữ nguyên vật liệu tồn kho hợp lý nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng của việc tăng giá nguyên vật liệu đến hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, quy trình sản xuất nhằm hạ thấp giá thành sản phẩm để nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm của Công ty và nâng cao thị phần.
- Nguyên cứu những loại khuôn mẫu bao bì mới nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng, kịp thời.
- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị và công nghệ hiện đại để mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh khai thác hiệu quả các thị trường truyền thống và thị trường tiềm năng.
- Tập trung sản xuất các mặt hàng sử dụng ít lao động, có chất lượng, giá trị cao nhưng giá cả cạnh tranh.

b) Kinh doanh

- Giữ vững mối quan hệ hợp tác với các khách hàng truyền thống, tiếp xúc, hợp tác với các khách hàng tiềm năng nhằm gia tăng số lượng khách hàng trong nước, thay thế dần hàng nhập khẩu. Mặt khác, Công ty sẽ duy trì và đẩy mạnh việc xuất khẩu sản phẩm bao bì kim loại sang các nước mà Công ty đã có thị phần kết hợp với việc xuất khẩu sang các thị trường mới nhằm từng bước mở rộng thị trường xuất khẩu của Công ty.
- Công ty sẽ quan tâm hơn nữa đến việc quảng cáo, giới thiệu thương hiệu trên các phương tiện truyền thông, tham gia các hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm nhằm tăng cường quảng bá thương hiệu Mỹ Châu trên thị trường nội địa và quốc tế.

- Công ty sẽ xây dựng chính sách giá thích hợp, tăng cường các dịch vụ hậu mãi, hỗ trợ khách hàng để có thể khuyến khích các khách hàng truyền thống và thu hút các khách hàng tiềm năng hợp tác với Công ty.

c) Đầu tư

Bằng nguồn vốn khấu hao, lợi nhuận giữ lại, nguồn vốn huy động được, Công ty sẽ đầu tư để mua sắm máy móc thiết bị mới và mở rộng quy mô sản xuất. Trong giai đoạn từ năm 2006-2010, Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu sẽ hướng đến việc đầu tư chiều sâu nhằm mở rộng quy mô sản xuất, hiện đại hoá máy móc thiết bị và tiếp tục thực hiện chiến lược đa dạng hoá sản phẩm dựa trên nền tảng của các dự án đầu tư đã thành công từ năm 1999 đến nay. Để đáp ứng nhu cầu của khách hàng và diễn biến của thị trường, Công ty dự kiến sẽ đầu tư vào các dự án sau:

- Đầu tư dây chuyền in tráng 2 màu từ tháng 09/2006 đến tháng 06/2007.
- Đầu tư dây chuyền sản xuất lon xịt phòng (Aerosol).
- Đầu tư dây chuyền sản xuất thùng 18 lít.
- Đầu tư hiện đại hoá từng phần máy móc thiết bị tại phân xưởng hộp sắt.
- Đầu tư hiện đại hoá toàn bộ khâu đóng gói ở toàn bộ các phân xưởng sản xuất.
- Công ty sẽ đẩy mạnh hoạt động đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp hội đủ các điều kiện như là khách hàng hay nhà cung ứng nguyên vật liệu của Công ty nhằm mang lại hiệu quả hoạt động cho Công ty.

d) Tài chính

Nguồn vốn hoạt động là yếu tố quan trọng đối với các doanh nghiệp, nhất là trong giai đoạn đầu tư phát triển để chiếm lĩnh thị phần. Để giải quyết nhu cầu vốn trong hiện tại và thực hiện các kế hoạch trong tương lai, Công ty sẽ tập trung vào các biện pháp thu hút vốn sau:

- Quản lý chặt chẽ công tác bán hàng và công nợ của từng khách hàng.
- Tính toán và đưa ra mức dự trữ nguyên vật liệu hợp lý.
- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn khấu hao để tái đầu tư.
- Vay vốn ngân hàng và huy động vốn từ cổ đông để đáp ứng nhu cầu vốn cho các dự án đầu tư lớn.

e) Nhân lực

- Đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân. Đào tạo kỹ năng quản lý mới cho đội ngũ cán bộ chủ chốt.

- Thu hút thêm nhân sự có năng lực, được đào tạo chính quy để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty.
- Xây dựng và áp dụng quy chế lương, thưởng phù hợp nhằm khuyến khích người lao động làm việc tốt hơn và đóng góp nhiều hơn cho Công ty.

15.3. Các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện

CHỈ TIÊU	Năm 2006		Năm 2007		Năm 2008	
	Giá trị	(%) tăng giảm so với 2005	Giá trị	(%) tăng giảm so với 2006	Giá trị	(%) tăng giảm so với 2007
Vốn điều lệ (triệu đồng)	30.000	76,47%	30.000	0,00%	30.000	0,00%
Doanh thu (triệu đồng)	160.000	8.11%	178.000	11.25%	198.000	11.24%
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	6.500	11.74%	7.800	20.00%	8.700	11.54%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)(*)	5.800	13.75%	5.850	0.86%	6.525	11.54%
LN sau thuế/Doanh thu (%)	3.63%	0.18%	3.29%	-0.34%	3.30%	0.01%
LN sau thuế/Vốn điều lệ (%)	19.33%	-10.66%	19.50%	0.17%	21.75%	2.25%
Cổ tức (đồng/cổ phần)	1,400	0.00%	1,400	0,00%	1,400	0,00%

(*) Năm 2006 Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu được giảm 50% thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp cho dự án "Đầu tư dây chuyền tráng verni trên sắt lá". Lợi nhuận sau thuế của Mỹ Châu có thể cao hơn nếu dự án "Đầu tư dây chuyền in tráng trên kim loại" của Công ty được ưu đãi thuế thuế thu nhập doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2007 và 2008 là lợi nhuận chưa cộng phần ưu đãi thuế được hưởng khi cổ phiếu Công ty niêm yết trên TTGDCK trong năm 2006. Vì vậy lợi nhuận sau thuế dự kiến của năm 2007 và 2008 có khả năng cao hơn mức nêu trên.

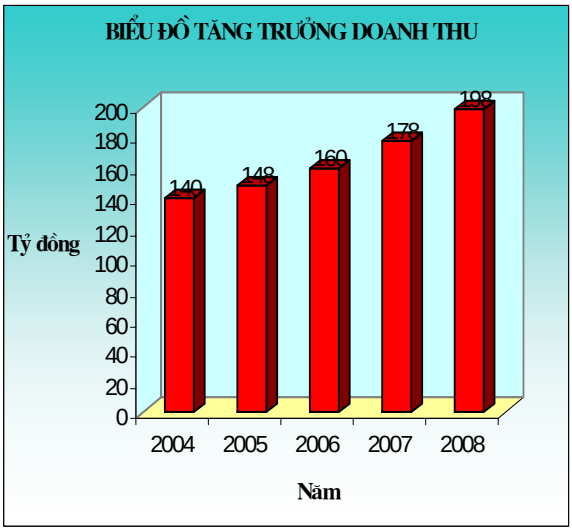

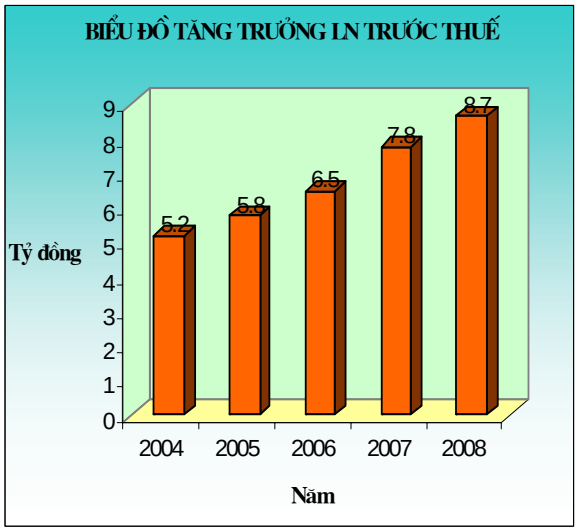

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu.

Chúng tôi cho rằng mức tăng trưởng doanh thu từ 8% - 12% mà Mỹ Châu dự kiến là có thể chấp nhận được vì các lý do sau:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân GDP của Việt Nam dự kiến từ năm 2006-2010 là từ 6,6% đến 7,0%. Trong đó, tốc độ tăng trưởng toàn ngành in và bao bì kim loại trong giai đoạn này ở vào khoảng 8% và theo các chuyên gia thì triển vọng của ngành in và bao bì kim loại vẫn còn rất lớn và tốc độ tăng trưởng này sẽ còn duy trì trong thời gian dài.
- Mỹ Châu là doanh nghiệp hàng đầu trong ngành in tráng và sản xuất bao bì kim loại về quy mô, trình độ công nghệ, thương hiệu và số lượng khách hàng truyền thống. Chiếm lĩnh thị trường trong nước trong thời gian dài, đến nay các loại sản phẩm in tráng và bao bì kim loại với chất lượng cao của Mỹ Châu đã chiếm được vị trí cao đối với thị trường trong và ngoài nước. Mỹ Châu còn có ưu thế nổi trội với quy trình sản xuất khép kín, dây chuyền sản xuất hiện đại và luôn cập nhật những công nghệ mới nhất đáp ứng với nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đề ra trong 3 năm 2006-2008 là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch. Chúng tôi cũng cho rằng, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức như kế hoạch của Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu đề ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

18. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu phát hành

Không có.

IV. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH VỚI UBCKNN

1. Loại cổ phiếu Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá 10.000 đồng

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành **386.510 cổ phiếu**

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ, số cổ phần chào bán đấu giá ra bên ngoài (đăng ký qua UBCKNN) bao gồm 308.000 cổ phiếu và số cổ phiếu lẻ (250 cổ phiếu) và số cổ phiếu chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu (78.260 cổ phiếu) trong đợt phát hành riêng lẻ không đăng ký qua UBCKNN.

4. Giá phát hành dự kiến

5. Giá khởi điểm bán đấu giá ra bên ngoài: 30.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

Giá phát hành dự kiến được xác định bằng phương pháp chiết khấu dòng tiền (DCF). Dòng tiền tự do của doanh nghiệp (FCFF) được dự báo trong tương lai sẽ được chiết khấu về giá trị hiện tại để tính giá trị hoạt động của doanh nghiệp. Giá trị doanh nghiệp sau khi trừ đi các khoản nợ sẽ là giá trị vốn cổ phần; giá trị vốn cổ phần chia cho tổng số lượng cổ phiếu lưu hành sẽ thu được giá trị cổ phiếu.

Các số liệu dùng để tính toán được căn cứ dựa trên kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính của Công ty trong 05 năm tới (2006 đến 2010), những năm tiếp theo sau đến vô hạn được giả định rằng Công ty có tốc độ tăng trưởng 5%.

Theo đó, kế hoạch doanh thu và lợi nhuận từ 2006 - 2010 được Công ty dự kiến như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2006 (E)	2007 (F)	2008 (F)	2009 (F)	2010 (F)
Doanh thu thuần	160.000	178.000	198.000	222.000	256.000
Lợi nhuận sau thuế	5.800	5.850	6.525	5.400	6.100

***Nguồn:** MPC*

Hệ số chiết khấu được sử dụng để chiết khấu các dòng tiền trong tương lai là chi phí vốn bình quân (WACC), Tỷ suất chiết khấu (WACC) cho mô hình được tính là 14,24%.

Trên cơ sở định giá cùng với việc xem xét về lượng vốn cần huy động cho dự án đầu tư; kết hợp so sánh với giá thị trường hiện tại và khả năng duy trì tỷ lệ trả cổ tức cho cổ đông, Hội đồng quản trị công ty đã nhất trí phát hành thêm cổ phiếu ra bên ngoài huy động vốn với giá dự kiến phát hành là 30.000 đồng/cổ phiếu.

7. Phương thức phân phối

Tổ chức đấu giá bán cổ phần ra bên ngoài thông qua tổ chức tài chính trung gian là Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Phương thức bảo lãnh: Mua lại toàn bộ số cổ phiếu chưa phân phối hết sau khi kết thúc chào bán theo phương án phát hành.

Mức giá bảo lãnh phát hành: 30.000 đồng/cổ phiếu

Phương pháp tính giá: Trên cơ sở xác định giá khởi điểm bán đấu giá ra bên ngoài.

8. Tổ chức bảo lãnh phát hành

Tên tổ chức bảo lãnh: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

9. Thời gian phân phối cổ phiếu

Tiến hành đấu giá bán cổ phần ra bên ngoài trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được giấy phép phát hành do Chủ tịch UBCKNN cấp, dự kiến trong quý IV/2006.

10. Đăng ký mua cổ phiếu

Nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu bán đấu giá của Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu tại Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt và Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu.

11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước quy định: "Người nước ngoài được góp vốn hoặc mua cổ phần với mức không quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp Việt Nam vào những ngành, nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cho từng thời kỳ theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư".

Khi Công ty niêm yết trên TTGDCK TP. HCM, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/09/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam và Thông tư số 90/2005/TT-BTC ngày 17/10/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg. Quyết định 238/2005/QĐ-TTg qui định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu niêm yết của một tổ chức niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

12. Các loại thuế có liên quan

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm Mỹ Châu phải nộp được tính bằng 25% lợi nhuận thu được. Theo Giấy chứng nhận ưu đãi số 6477 BKH/KD ngày 25/09/2001 cho dự án "Đầu tư dây chuyền tráng verni trên sắt": Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu được miễn 1 năm và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 4 năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư này mang lại. Ngoài ra, sau khi niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty sẽ được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ ngày niêm yết.

Hiện nay, mức thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng cho các mặt hàng của Công ty là 10%. Thuế nhập khẩu sắt nguyên liệu là 7%, hoá chất là từ 5%-30% và thuế xuất khẩu thành phẩm (sản phẩm in tráng và bao bì kim loại) là 0%.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu từ đợt phát hành sẽ được chuyển vào tài khoản phong toả do Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

V. CỔ PHIẾU ĐÃ PHÁT HÀNH VÀ KHÔNG ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH VỚI UBCKNN

1. Loại cổ phiếu Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá 10.000 đồng

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành 992.000 cổ phiếu

Trong đó:

+ Cổ phiếu thưởng: 510.000 cổ phiếu

+ Cổ phiếu cho thành viên Hội đồng quản trị và các khách hàng truyền thống và tiềm năng: 40.000 cổ phiếu

+ Cổ đông hiện hữu: 442.000 cổ phiếu

4. Giá phát hành dự kiến

+ Thành viên Hội đồng quản trị và các khách hàng truyền thống và tiềm năng: 17.500 đồng/cổ phiếu

+ Cổ đông hiện hữu: 15.000 đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá

Giá cổ phiếu phát hành cho thành viên Hội đồng quản trị và các khách hàng truyền thống, tiềm năng và giá cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu thông qua tại Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2005.

6. Phương thức thực hiện quyền

- Cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu:

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, mỗi cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được thưởng 3 cổ phiếu (tỷ lệ 10:3).

- Cổ phiếu phát hành cho các thành viên Hội đồng quản trị và các khách hàng truyền thống, tiềm năng:

Các thành viên của Hội đồng quản trị sẽ được mua 20.000 cổ phiếu phát hành với giá cố định là 17.500 đồng/cổ phiếu.

Các khách hàng truyền thống và tiềm năng sẽ được mua 20.000 cổ phiếu phát hành với giá cố định là 17.500 đồng/cổ phiếu. Tiêu chí lựa chọn khách hàng truyền thống và tiềm năng do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

- Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu:

Tổng số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu của Công ty là 442.000 cổ phiếu với giá bán cố định là 15.000 đồng/cổ phiếu.

Cổ đông hiện hữu được mua cổ phiếu phát hành thêm với tỷ lệ 5:1, cụ thể là tại ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được hưởng 1 quyền mua và cứ 5 quyền mua sẽ được mua 1 cổ phiếu phát hành thêm. Số lượng cổ phiếu lẻ hoặc cổ phiếu các cổ đông hiện hữu không mua hết sẽ được bán đấu giá ra bên ngoài.

7. Kết quả phát hành

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 992.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu thực tế phát hành: 913.490 cổ phiếu.

- Số lượng cổ phiếu không phân phối hết: 78.510 cổ phiếu.

(Số lượng cổ phiếu không phân phối hết sẽ được bán đấu giá ra bên ngoài)

Trong đó:

+ Số lượng cổ phiếu lẻ khi phân phối cho cổ đông hiện hữu: 250 cổ phiếu.
+ Số lượng cổ phiếu cổ đông hiện hữu không mua hết: 78.260 cổ phiếu.

VI. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

1. Mục đích phát hành

Đáp ứng một phần nhu cầu vốn đầu tư thêm một dây chuyền in tráng sấy 2 màu trên kim loại.

2. Phương án khả thi

2.1. Những căn cứ để lập dự án :

- Tốc độ tăng trưởng ngành in tráng và bao bì kim loại trong nhiều năm liền và dự báo trong tương lai duy trì được tốc độ phát triển ổn định.
- Tiềm năng của thị trường bao bì kim loại rất lớn do nhu cầu sản xuất thực phẩm đóng hộp cũng như các ngành công nghiệp chế biến sử dụng bao bì kim loại khác.
- Môi trường đầu tư ngày càng thuận lợi và việc khuyến khích các dự án đầu tư công nghệ hiện đại phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
- Những kết quả nghiên cứu thị trường về sản phẩm bao bì kim loại cho thấy sự chênh lệch rất lớn về mức cung và cầu. Trong tương lai, nếu các doanh nghiệp trong nước không đáp ứng được nhu cầu cung cấp sản phẩm in tráng và bao bì kim loại của thị trường thì các doanh nghiệp nước ngoài sẽ đầu tư tại Việt Nam để chiếm lĩnh thị phần này.
- Sự thống nhất của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị trong việc đầu tư nhằm mở rộng thị phần và quy mô hoạt động của Công ty.

2.2. Sự cần thiết phải đầu tư:

Từ năm 1999 đến năm 2006, Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu đã tiến hành các dự án đầu tư:

- Dây chuyền in 2 màu năm 1999-2000 và hệ thống kiểm soát mực tự động.
- Dây chuyền dập thân và nắp lon hai mảnh vào năm 2000-2001.
- Dây chuyền sản xuất hộp bánh vuông năm 2000.
- Dây chuyền cắt sắt cuộn tự động năm 2000.

- Dây chuyền tráng verni năm 2001.
- Dây chuyền sản xuất lon hàn điện cao cấp năm 2003-2004.
- Máy móc thiết bị đơn lẻ tại Phân xưởng bao bì.

Cho đến nay, các dự án trên đã phát huy tác dụng, giúp Công ty đạt được những thành quả rất tốt trong sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, để khai thác triệt để công suất của các dự án đã đầu tư, đảm bảo tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận theo như kế hoạch đã vạch ra, Công ty cần phải đầu tư thêm 1 dây chuyền in tráng sấy 2 màu để thoả mãn nhu cầu của khách hàng trong lĩnh vực sản xuất bao bì kim loại.

Việc đầu tư dự án này sẽ làm tăng năng lực sản xuất của Mỹ Châu thông qua việc cung cấp cho khách hàng các sản phẩm đa dạng và chất lượng ngày càng tốt hơn.

2.3. Tên dự án:

Dự án đầu tư Dây chuyền in tráng trên kim loại Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu.

2.4. Hình thức đầu tư:

Hình thức đầu tư của dự án là mở rộng quy mô sản xuất nhằm mục đích gia tăng công suất máy móc thiết bị, thoả mãn nhu cầu của thị trường và nâng cao chất lượng sản phẩm.

2.5. Lựa chọn thiết bị, công nghệ, các thông số kỹ thuật:

Dự án xác định thiết bị đầu tư như sau:

- Máy in 2 đơn vị màu nhãn hiệu MAILANDER - LTG - Đức.
- Hệ thống kiểm soát mực tự động nhãn hiệu CABER - ITALIA.
- Máy tráng verni được kết nối đồng bộ với máy in và lò sấy hiệu MAILANDER - LTG.
- Lò sấy sử dụng nhiên liệu khí hoá lỏng (LPG) chiều dài 27 mét và hệ thống giá đỡ đi kèm.
- Hệ thống làm sạch khí thải TNV 8000.
- Thiết bị nâng hạ kiện sắt ở hai đầu dây chuyền và các phụ tùng đi kèm.

Công nghệ lựa chọn phải hội đủ các điều kiện sau:

- Sản xuất ra các sản phẩm mang tính cạnh tranh cao, chất lượng tốt.
- Khí thải phải thoả mãn yêu cầu về môi trường của nhà nước Việt Nam.
- Tiết kiệm tối đa nguyên nhiên vật liệu, năng lượng.
- Năng suất lao động cao.
- Phù hợp với chiến lược sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

2.6. Công suất dự án và phương án sản xuất:

- Công suất lý thuyết: 5.500 tờ thiếc in/giờ tương đương 25.000.000 tờ/năm.

- Công suất thực tế: 3.500 tờ/ giờ tương đương 16.000.000 tờ/năm (hoạt động đạt 65% công suất thiết kế).

2.7. Thời gian sản xuất (giờ):

Năm	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4 trở đi
Thời gian hoạt động	4.480	4.480	4.480	4.480

2.8. Kế hoạch sản xuất hàng năm:

*Đơn vị tính: Tờ in kích thước 0.25*712*1020*

Năm	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4 trở đi
Sản lượng	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000

2.9. Kế hoạch doanh thu, lãi gộp:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	Năm 7	Năm 8	Năm 9	Năm 10
Doanh thu	42.105	42.105	42.105	42.105	42.105	42.105	42.105	42.105	42.105	42.105
Lãi gộp	19.326	21.863	21.676	21.676	21.676	31.676	31.676	31.676	29.700	29.700

2.10. Tiến độ thực hiện

Khối lượng công việc	Tháng 09/2006 - Tháng 10/2006	Tháng 11/2006 - Tháng 05/2007	Tháng 06/2007
Lập DAĐT trình HĐQT phê duyệt và Ngân hàng thẩm định.			
Tổ chức đấu thầu - Ký kết hợp đồng và sản xuất thiết bị.			
Lắp đặt thiết bị.			
Huấn luyện kỹ thuật.			
Sản xuất thử và hiệu chỉnh máy.			

2.11. Đánh giá tình hình tài chính của dự án:

- Thời gian hoàn vốn dự kiến: 22 tháng.
- Sản lượng hòa vốn (tính trên cơ sở năm thứ 1):
  - ✧ Chi phí cố định hàng năm : 13.850.000.000 đồng
    - ➢ Khấu hao cơ bản : 10.000.000.000 đồng
    - ➢ Lãi vay ngân hàng : 3.850.000.000 đồng
  - ✧ Biến phí bình quân 1 đơn vị sản phẩm : 518 đồng
  - ✧ Giá bán bình quân 1 đơn vị sản phẩm : 2.807 đồng
  - ✧ Sản lượng hòa vốn : 6.100.000 tờ
- Hệ số sinh lời : Hệ số sinh lời > 1.
- NPV của dự án : NPV > 0 ⇒ Dự án mang tính khả thi.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được dùng để bổ sung vốn đầu tư vào dự án dây chuyền in tráng trên kim loại.

Tổng kinh phí đầu tư cho dự án: khoảng 49 tỷ đồng.

Nguồn vốn cung cấp cho dự án:

- 30% vốn được bổ sung từ số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu của Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu.
- 70% vốn được bổ sung từ vốn vay dài hạn (5 năm) tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. (Công ty đã có xác nhận của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo công văn số 2656/CV-TD2 về việc xem xét tài trợ Tín dụng trung hạn Dự án dây chuyền in tráng trên kim loại cụ thể: " *Số tiền tối đa là 35.721.000.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ bảy trăm hai mươi mốt triệu đồng). thời gian vay 05-06 năm. Lãi suất áp dụng lãi suất khách hàng A*" đính kèm phụ lục I).

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT (BVSC)

Trụ sở chính: Tầng 2+5, 94 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 9433016/017 Fax: (84-4) 9433012

Chi nhánh: 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại:	(84-8) 9141993/994	Fax:	(84-8) 9141991
Website :	http://www.bvsc.com.vn		

2. Tổ chức kiểm toán: CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN (AFC)

Trụ sở:	138 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh		
Điện thoại:	(84-8) 930 3437	Fax:	(84-8) 930 3365
Email:	afcsaigon@saigonnet.com		
Website:	www.e-bdo.com/vietnam		

IX. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro phát hành

Đợt phát hành được xem là không thành công và phải hủy bỏ trong trường hợp số lượng cổ phiếu thực tế bán được chỉ đạt dưới 80% lượng cổ phiếu được phép phát hành. Để đảm bảo sự thành công của đợt phát hành, Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu đã ký Hợp đồng Bảo lãnh phát hành cổ phiếu với Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt, theo đó Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt sẽ mua toàn bộ số cổ phần phát hành thêm còn lại chưa phân phối hết sau khi thực hiện việc bán đấu giá cổ phiếu ra bên ngoài. Vì vậy rủi ro phát hành của đợt phát hành này rất nhỏ và chỉ xảy ra trong các trường hợp bất khả kháng.

2. Rủi ro kinh tế

Sản phẩm in tráng và bao bì kim loại của Mỹ Châu là sản phẩm có chất lượng cao, tính năng ưu việt phục vụ cho nhu cầu của ngành chế biến thực phẩm đóng hộp và các ngành công nghiệp sử dụng bao bì kim loại khác cho nên tốc độ tăng trưởng kinh tế cũng như tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp chế biến có ảnh hưởng trực tiếp đến việc tiêu thụ sản phẩm bao bì kim loại của Mỹ Châu. Đối với những nước đang phát triển và có nền kinh tế tăng trưởng mạnh như Việt Nam hiện nay thì mức độ tăng trưởng các ngành công nghiệp chế biến là rất lớn và luôn nhận được sự quan tâm đầu tư phát triển của Chính phủ. Nếu nền kinh tế lâm vào tình trạng khủng hoảng, tốc độ tăng trưởng của các ngành công nghiệp chế biến giảm và điều này sẽ làm cho ngành sản xuất bao bì kim loại bị sụt giảm.

Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức khá cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2002 đạt 7,1%, năm 2003 đạt 7,23%, năm 2004 đạt 7,7% và năm 2005 là 8,4%. Đóng góp vào tốc độ tăng trưởng GDP là ngành công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng hơn 40% tốc độ tăng trưởng. Theo nhận định của các chuyên gia phân tích kinh tế, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng và duy trì ở mức cao từ 7- 8%/năm. Sự phát triển lạc quan

của nền kinh tế nói chung và ngành công nghiệp chế biến nói riêng có ảnh hưởng tốt đến sự phát triển của Mỹ Châu, vì vậy có thể nhận định rằng rủi ro về kinh tế không phải là một rủi ro lớn đối với hoạt động của Công ty.

3. Rủi ro luật pháp

Mặc dù là một ngành vẫn còn khá mới nhưng ngành sản xuất bao bì kim loại có tiềm năng phát triển rất lớn và bước đầu đã có với những đóng góp cơ bản vào kim ngạch xuất khẩu của cả nước trong những năm gần đây và với chủ trương phát triển ngành sản xuất bao bì kim loại trong những năm tới nên ngành sản xuất bao bì kim loại đang mong đợi những chính sách ưu đãi từ Chính phủ.

Hiện tại, Công ty đang được áp dụng mức thuế suất thuế xuất khẩu thành phẩm là 0% và mức thuế suất này hầu như không có khả năng thay đổi nhằm khuyến khích doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên, mức thuế suất áp dụng đối với thép nguyên liệu nhập khẩu (7%) cao hơn thuế nhập khẩu lon thành phẩm (5%) vẫn là một sự bất hợp lý đang rất cần được điều chỉnh. Với xu hướng phát triển của nền kinh tế và ngành bao bì kim loại và cũng để phù hợp với tình hình thực tế cũng như khuyến khích doanh nghiệp trong nước nên chắc chắn Chính phủ sẽ có những điều chỉnh theo hướng có lợi cho ngành nên rủi ro pháp luật ít có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

4. Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động đến lợi nhuận của Công ty.

Biến động giá thép nguyên liệu và các loại hoá chất bắt nguồn từ những biến động về tình hình kinh tế, chính trị thế giới cũng như việc giá dầu thế giới tăng mạnh cùng với việc tăng tiêu thụ, dự trữ thép của một số nước lớn trên thế giới.

Hiện nay, mặc dù Công ty đã sử dụng một số biện pháp để hạn chế ảnh hưởng của việc tăng giá nguyên vật liệu như: Tổ chức thực hiện nghiên cứu, đánh giá về sự biến động giá nguyên liệu trên thị trường thế giới để làm cơ sở cho việc dự trữ nguyên vật liệu; Hợp lý hoá quy trình sản xuất để giảm hao hụt nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất, tận dụng triệt để sản phẩm hỏng cho những khâu sản xuất khác. Tuy nhiên, những biện pháp này cũng chỉ hạn chế được biến động giá nguyên vật liệu trong ngắn hạn và không mang tính hệ thống.

Tóm lại, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng lớn của những rủi ro về giá nguyên vật liệu. Tuy nhiên, nếu tình trạng tăng giá nguyên vật liệu diễn ra trong thời gian dài thì thị trường sẽ đồng loạt điều chỉnh giá bán ra sản phẩm, khi đó Công ty có thể tăng giá bán ra, doanh thu tăng và triệt tiêu được ảnh hưởng của rủi ro tăng giá nguyên vật liệu hoặc khi Công ty có thể chủ động được nguồn nguyên vật liệu trong nước thì những rủi ro này cũng được hạn chế rất nhiều.

5. Rủi ro tỷ giá hối đoái

Trong tình hình phần lớn nguyên vật liệu của Công ty (khoảng 70%) được nhập khẩu từ nước ngoài nên tỷ giá hối đoái có ảnh hưởng trực tiếp đến giá nguyên vật liệu và hiệu quả hoạt động của Công ty. Ngoài ra, máy móc thiết bị của Công ty đều được nhập khẩu, do đó các dự án đầu tư mới cũng phải gánh chịu rủi ro từ những thay đổi trong tỷ giá hối đoái.

Trong những năm gần đây, do chính sách ổn định tiền tệ của Nhà nước nên tỷ giá giữa đồng Việt Nam so với các ngoại tệ mạnh tương đối ổn định, mức dao động giá khá thấp, việc dự báo tỷ giá trong ngắn hạn cũng không quá khó khăn. Vì vậy ảnh hưởng do biến động tỷ giá đến giá nhập khẩu nguyên vật liệu của Công ty là không đáng kể. Mặt khác, bên cạnh việc tích trữ ngoại thông qua hoạt động xuất khẩu sản phẩm sang các nước Công ty cũng có kế hoạch chủ động nguồn ngoại tệ để phục vụ cho việc nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc thiết bị do vậy những thiệt hại do biến động tỷ giá gây ra cũng được hạn chế.

6. Rủi ro cạnh tranh

Ngành in tráng và sản xuất bao bì kim loại là ngành có tiềm năng phát triển rất lớn nên ngày càng có nhiều doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực này. Theo thống kê, mỗi năm có khoảng 2-3 doanh nghiệp tham gia vào ngành in tráng và sản xuất bao bì kim loại. Tuy nhiên, đây cũng chỉ là những doanh nghiệp sản xuất với quy mô vừa và nhỏ nên vẫn chưa đủ khả năng cạnh tranh với Mỹ Châu. Ngoài ra, sản phẩm bao bì kim loại của Mỹ Châu còn chịu sự cạnh tranh rất lớn của hàng nhập khẩu từ các nước tiên tiến trên thế giới.

Mặc dù vậy, với lợi thế về thương hiệu cùng với trình độ kỹ thuật hiện đại cũng như chiến lược phát triển trong tương lai, Mỹ Châu hoàn toàn có thể tự tin vào khả năng cạnh tranh của mình trước các đối thủ cạnh tranh trong và ngoài nước. Nhìn chung, việc ngày càng có nhiều đối thủ cạnh tranh sẽ làm giảm thị phần của Mỹ Châu đối với bao bì kim loại, nhưng với những lợi thế sẵn có của mình, Mỹ Châu có đủ năng lực để kiểm soát được rủi ro này.

7. Rủi ro hội nhập

Việc Chính phủ Việt Nam đang tích cực xúc tiến việc gia nhập WTO trong năm 2006 cũng là yếu tố ảnh hưởng lâu dài tới ngành sản xuất bao bì kim loại. Hiện tại, do các rào cản về mức thuế suất nhập khẩu, thủ tục hải quan, hạn ngạch nhập khẩu,... nên hoạt động nhập khẩu sản phẩm ngành bao bì kim loại từ các nước vào Việt Nam chưa thật sự được đẩy mạnh. Như vậy, việc gia nhập WTO và AFTA làm giảm mức thuế nhập khẩu, thông thoáng hơn về thủ tục hải quan,... sẽ là một thách thức lớn đối với những nhà sản xuất trong nước với nguy cơ tràn ngập thị trường của hàng nhập khẩu. Ngoài ra, cũng không thể không nhắc đến việc các nhà đầu tư nước ngoài xây dựng nhà máy sản xuất bao bì kim loại tại Việt Nam và cạnh tranh trực tiếp với sản phẩm trong nước.

Ngành sản xuất bao bì kim loại vẫn đang phụ thuộc rất lớn vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, các doanh nghiệp sản xuất nguyên vật liệu trong nước vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu cả về số lượng lẫn chất lượng. Sự phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu làm cho giá sản phẩm trong nước cao hơn sẽ tác động rất lớn đến khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp khi hội nhập. Bên cạnh đó, do tập tính chuộng hàng ngoại của người Việt Nam nên nếu vượt qua được rào cản thuế quan, chi phí vận chuyển thì các sản phẩm bao bì kim loại nhập ngoại sẽ trực tiếp cạnh tranh với sản phẩm bao bì kim loại sản xuất tại Việt Nam nói chung và Mỹ Châu nói riêng.

Ngược lại, Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu cũng đang đứng trước một vận hội lớn để mở rộng thị trường tiêu thụ sang các nước khi Việt Nam tiến hành quá trình hội nhập và cũng để phù hợp với phân công lao động quốc tế.

Do Mỹ Châu đã có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về trình độ kỹ thuật công nghệ, năng lực sản xuất, mối quan hệ tốt với khách hàng, chiến lược nghiên cứu cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm,.. cùng với lợi thế về thương hiệu Công ty hoàn toàn có thể chủ động trong việc khống chế sự thâm nhập của hàng hóa ngoại nhập.

8. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, địch hoạ, hoả hoạn .v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

X. PHỤ LỤC

1. **phụ lục I: Công văn 2656 /CV-TD2 về việc xem xét tài trợ Tín dụng trung hạn Dự án Dây chuyền in tráng trên kim loại**
2. **Phụ lục II Điều lệ Tổ chức và Hoạt động.**
3. **Phụ lục III Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2004, 2005 và Quyết toán Quý II năm 2006.**
4. **Phụ lục III Dự án Đầu tư Dây chuyền tráng trên kim loại.**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ..... tháng 09 năm 2006

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ **PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Thành **Trịnh Hữu Minh**

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT **KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Trần Giang Sơn **Võ Ngọc Huỳnh Thư**

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Vinh